

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

*(Số 3600495818 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 16/05/2001
thủy đổi lần thứ 16, vào ngày 08/07/2016)*

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 04/GCN - UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19 tháng 01 năm 2017)

TÒ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT (BVSC)

BAOVIET  **Securities**
CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa,
Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, P. An Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai,
Website: www.bhs.vn

Điện thoại: (061) 3 836 199
Fax: (061) 3 836 213

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt,
08 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội,
233 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh,
Website: www.bvsc.com.vn

Điện thoại: (84-4) 3928 8888
Fax: (84-4) 3928 9888
Điện thoại: (84-8) 3821 8564
Fax: (84-8) 3821 8566

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: **TRẦN QUÊ TRANG** – Chức vụ: Tổng giám đốc
Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại: (061) 3 836 199
Fax: (061) 3 836 213

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN

(Số 3600495818 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 16/05/2001, thay đổi lần thứ 16, vào ngày 08/07/2016)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số /GCN - UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày tháng năm 2016)

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT (BVSC)

BAOVIET  **Securities**

CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa.
Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, P.An Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai.
Website: www.bhs.vn

Điện thoại: (061) 3 836 199
Fax: (061) 3 836 213

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.
08 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
233 Đồng Khởi, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.
Website: www.bvsc.com.vn

Điện thoại: (84-4) 3928 8888
Fax: (84-4) 3928 9888
Điện thoại: (84-8) 3821 8564
Fax: (84-8) 3821 8566

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: **TRẦN QUÊ TRANG** – Chức vụ: Tổng giám đốc
Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, P.An Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại: (061) 3 836 199
Fax: (061) 3 836 213

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 3600495818 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 16/05/2001, thay đổi lần thứ 16, vào ngày 08/07/2016)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

| | |
|--|--|
| Tên cổ phiếu: | Cổ phiếu CTCP Đường Biên Hòa |
| Loại cổ phiếu: | Cổ phiếu phổ thông. |
| Mệnh giá: | 10.000 đồng/cổ phần. |
| Tổng số lượng phát hành: | 168.364.557 cổ phần. Trong đó: |
| • Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: | 38.853.359 cổ phiếu |
| • Chào bán cho cổ đông hiện hữu: | 129.511.198 cổ phiếu |
| Giá chào bán: | 10.000 đồng/cổ phần. |
| Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: | 1.683.645.570.000 đồng (Một nghìn sáu trăm tám mươi ba tỷ, sáu trăm bốn mươi lăm triệu, năm trăm bảy mươi nghìn đồng). |

Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Văn phòng trụ sở chính:

Địa chỉ: 08 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Điện thoại: (84-4) 39 288 888 Fax: (84-4) 39 289 888

Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Lầu 8, tòa nhà Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (84-4) 3910 7678 Fax: (84-4) 3910 7616
Website: <http://www.bvsc.com.vn>

Tổ chức kiểm toán:

CÔNG TY TNHH KPMG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM.
Điện thoại: (84-8) 3821 9266
Fax: (84-8) 3821 9267

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO..... | 6 |
| 1. Rủi ro về kinh tế:..... | 6 |
| 2. Rủi ro luật pháp:..... | 6 |
| 3. Rủi ro về đặc thù ngành và đặc thù của Công ty: | 6 |
| 3.1. Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu..... | 6 |
| 3.2. Rủi ro về đầu tư vùng nguyên liệu | 7 |
| 3.3. Rủi ro về bảo hộ và hội nhập..... | 7 |
| 3.4. Rủi ro cạnh tranh trong ngành | 7 |
| 4. Rủi ro của đợt chào bán và rủi ro của dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán: 8 | |
| 4.1. Rủi ro của đợt chào bán..... | 8 |
| 4.2. Rủi ro của hạng mục đầu tư sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán | 8 |
| 5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu từ đợt chào bán: | 9 |
| 6. Rủi ro quản trị công ty: | 10 |
| 7. Rủi ro khác:..... | 10 |
| II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH..... | 11 |
| 1. Tổ chức phát hành:..... | 11 |
| 2. Tổ chức tư vấn: | 11 |
| III. CÁC KHÁI NIỆM: | 12 |
| IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH: | 13 |
| 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:..... | 13 |
| 1.1. Lịch sử hình thành và phát triển:..... | 13 |
| 1.2. Những thành tích đã đạt được: | 14 |
| 1.3. Giới thiệu về Công ty:..... | 15 |
| 2. Cơ cấu tổ chức công ty: | 15 |
| 2.1. Công ty con..... | 16 |
| 2.2. Nhà máy..... | 16 |
| 2.3. Chi nhánh..... | 17 |
| 3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty: | 18 |
| 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại: | 26 |
| 4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan tại ngày 25/07/2016:..... | 26 |
| 4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ tại ngày 25/07/2016..... | 27 |
| 4.3. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại (ngày 25/07/2016)..... | 27 |

| | |
|---|----|
| 5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành: | 27 |
| 5.1. Danh sách công ty mẹ và công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa:..... | 27 |
| 5.2. Danh sách công ty con và những công ty mà Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:..... | 27 |
| 6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty | 29 |
| 7. Hoạt động kinh doanh:..... | 29 |
| 7.1. Sản lượng sản phẩm qua các năm:..... | 29 |
| 7.2. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành:..... | 32 |
| 7.3. Hoạt động Marketing:..... | 38 |
| 7.4. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền: | 38 |
| 7.5. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết: | 47 |
| 8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất:..... | 47 |
| 8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 6 tháng đầu năm 2014, niên độ 2014 - 2015 và 2015-2016:..... | 47 |
| 8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm tài chính 2015 – 2016: | 48 |
| 9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:..... | 48 |
| 10. Chính sách đối với người lao động:..... | 49 |
| 10.1. Số lượng và cơ cấu người lao động trong Công ty:..... | 51 |
| 10.2. Chính sách đối với người lao động: | 51 |
| 11. Chính sách cổ tức:..... | 51 |
| 12. Tình hình tài chính:..... | 53 |
| 12.1. Lưu ý về sự thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh | 53 |
| 12.2. Các chỉ tiêu cơ bản:..... | 55 |
| 12.3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu: | 58 |
| 13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng..... | 58 |
| 13.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị: | 59 |
| 13.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát:..... | 64 |
| 13.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc:..... | 68 |
| 13.4. Kế toán trưởng:..... | 71 |
| 14. Tài sản:..... | 72 |
| 15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2016:..... | 73 |
| 16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:..... | 75 |
| 17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức | 76 |
| 18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty: | 76 |

| | |
|--|-----------|
| 19. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu:..... | 76 |
| V. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH..... | 77 |
| 1. Tên cổ phiếu phát hành:..... | 77 |
| 2. Loại cổ phiếu: | 77 |
| 3. Mệnh giá: | 77 |
| 4. Đối tượng phát hành: | 77 |
| 5. Tổng số cổ phiếu phát hành: | 77 |
| 6. Giá chào bán dự kiến: | 77 |
| 7. Phương pháp tính giá: | 77 |
| 8. Phương thức phân phối:..... | 77 |
| 8.1. Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu | 77 |
| 8.2. Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu..... | 78 |
| 9. Thời gian phân phối cổ phiếu: | 77 |
| 9.1. Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu | 78 |
| 9.2. Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu..... | 79 |
| 10. Đăng ký mua cổ phiếu: | 79 |
| 10.1. Thời hạn đăng ký mua..... | 79 |
| 10.2. Đăng ký mua cổ phiếu và chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu..... | 79 |
| 10.3. Phương thức thanh toán: | 79 |
| 10.4. Chuyển giao cổ phiếu..... | 79 |
| 10.5. Quyền lợi người mua cổ phiếu: | 79 |
| 10.6. Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu | 80 |
| 10.7. Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu | 80 |
| 11. Phương thức thực hiện quyền | 80 |
| 12. Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:..... | 80 |
| 13. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng:..... | 81 |
| 14. Các loại thuế có liên quan đến cổ phiếu chào bán | 81 |
| 15. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:..... | 78 |
| VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN | 82 |
| 1. Mục đích chào bán:..... | 82 |
| 2. Thông tin về các dự án:..... | 82 |
| VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN..... | 86 |
| VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN: | 87 |
| IX. PHỤ LỤC: | 88 |

1. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế và thu nhập bình quân đầu người có ảnh hưởng đến việc tiêu thụ các sản phẩm tiêu dùng nói chung. Tuy nhiên, đối với Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa, sản phẩm chính của Công ty là mặt hàng thiết yếu, được sử dụng nhiều trong các lĩnh vực: chế biến thực phẩm, nước giải khát, dược phẩm,... Bên cạnh đó, Công ty đã thiết lập được cơ sở khách hàng khá vững chắc (gồm các doanh nghiệp hàng đầu trong các ngành chế biến thực phẩm, nước giải khát như: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam, Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa, Công ty Pepsico Việt Nam, Công ty TNHH URC Việt Nam, Công ty TNHH Friesland Campina Việt Nam,...). Do vậy, đầu ra của Công ty ít bị ảnh hưởng khi nền kinh tế giảm đà tăng trưởng.

Ngoài ra, nhờ khả năng dự báo tốt, tính linh hoạt trong quản trị và mối quan hệ chặt chẽ với các định chế tài chính nên rủi ro kinh tế ảnh hưởng đến Công ty ít hơn so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.

2. Rủi ro luật pháp:

Hoạt động kinh doanh của Công ty bị chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp và Luật an toàn thực phẩm. Hệ thống Luật Việt Nam được đánh giá là chưa hoàn thiện, thiếu tính ổn định. Điều này dễ gây ra rủi ro cho các doanh nghiệp nếu không biết cách vận dụng luật và cứng nhắc trong quá trình thực thi.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa là công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX). Do vậy, hoạt động của Công ty còn chịu sự chi phối bởi Luật chứng khoán và các quy định của HSX.

Để đảm bảo mọi hoạt động của Công ty tuân thủ theo pháp luật, Công ty đã thành lập bộ phận pháp chế. Bộ phận này luôn cập nhật các văn bản pháp luật, tư vấn cho Ban điều hành các vấn đề có liên quan và hỗ trợ phòng Nhân sự trong công tác tập huấn, phổ biến kiến thức pháp luật nhằm nâng cao tính tuân thủ các nội quy Công ty cũng như pháp luật.

3. Rủi ro về đặc thù ngành và đặc thù của Công ty:

3.1. Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu

Do nguyên vật liệu, chủ yếu là mía nguyên liệu, chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm (khoảng 60% đến 70%) nên biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Hiện tại, vùng nguyên liệu trồng mía của Việt Nam quy mô nhỏ, phân tán (nhất là khu vực miền Trung và Đồng bằng sông Cửu Long), chưa được đầu tư tương xứng theo hướng công nghiệp hóa. Bên cạnh đó, còn phải chịu tác động rủi ro rất lớn bởi thời tiết như hạn hán, bão lụt,... nên năng suất thấp, chi phí cao dẫn đến giá thành nguyên liệu cao, sản lượng và diện tích hàng năm không ổn định.

Phát triển vùng nguyên liệu mía là yếu tố sống còn đối với công ty đường. Do vậy, từ nhiều năm nay, Đường Biên Hòa luôn chú trọng việc đầu tư phát triển vùng nguyên liệu mía, hợp tác với nông dân qua việc ký hợp đồng hỗ trợ giống, đầu tư vốn. Nhờ vậy, kết thúc niên vụ 2015/2016 diện tích vùng trồng của Công ty đạt hơn 21.200 ha. Hiện nay, BHS đang có kế hoạch đầu tư phát triển vùng nguyên liệu cho vụ 2016/2017 tại Tây Ninh giúp Công ty chủ động hơn về nguồn nguyên liệu đầu vào.

3.2. Rủi ro về đầu tư vùng nguyên liệu

Để ổn định nguồn mía nguyên liệu, Công ty đã phải hợp tác và hỗ trợ vốn cho nông dân để mua cây giống, phân bón, hệ thống tưới tiêu,... Trong quá trình hợp tác và hỗ trợ nông dân phát triển vùng nguyên liệu, Công ty đối mặt với rủi ro phát sinh như: bị chiếm dụng vốn, nông dân mất khả năng thanh toán. Để hạn chế các rủi ro này Công ty phải áp dụng chính sách dùng quyền sử dụng đất của nông dân để đảm bảo cho các khoản đầu tư và khoản trả trước cho nông dân trồng mía. Việc đảm bảo một phần khoản đầu tư bằng quyền sử dụng đất của nông dân sẽ giảm thiểu rủi ro khi phát sinh nợ khó đòi và nâng cao trách nhiệm thực thi các điều khoản trong hợp đồng của nông dân.

3.3. Rủi ro về bảo hộ và hội nhập

Ngành đường là một trong những ngành được bảo hộ của Chính phủ bằng thuế và hạn ngạch nhập khẩu. Tuy nhiên, những cam kết bảo hộ dần được dỡ bỏ từ năm 2015 trở đi. Cụ thể: Theo cam kết hội nhập WTO và AFTA của Việt Nam, kể từ năm 2015 trở đi đường từ các nước trong khối ASEAN sẽ không còn bị hạn chế nhập khẩu vào Việt Nam, đồng thời thuế suất nhập khẩu giảm xuống còn 5%, đến năm 2018 mức thuế suất này có khả năng sẽ giảm xuống còn 0%. Hiện thuế suất nhập khẩu đường từ các nước ASEAN trong hạn ngạch thuế quan là 5%; các nước ngoài ASEAN là 25% đối với đường thô, 40% đối với đường trắng. Thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan: 80% đối với đường thô, 85% đối với đường trắng.

Trong khi đó, khả năng cạnh tranh của ngành Đường thấp do năng suất, chất lượng mía thấp hơn so với khu vực và giá thành mía, giá thành sản phẩm đường cũng cao hơn. Do vậy, sắp tới các công ty đường trong nước sẽ phải cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp đường trong khu vực, nhất là từ các nước Thái Lan, Campuchia, Lào. Nhận thức rõ vấn đề này, Công ty luôn chú trọng phát triển vùng nguyên liệu, nâng cao năng suất nhằm giảm giá thành sản xuất để có thể cạnh tranh với các sản phẩm nhập khẩu.

3.4. Rủi ro cạnh tranh trong ngành

Rủi ro cạnh tranh bởi hàng giả và hàng kém phẩm chất: Áp lực cạnh tranh từ nguồn đường nhập lậu giá rẻ vẫn chưa có hướng giải quyết. Hàng nhập lậu chủ yếu từ Thái Lan qua biên giới các tỉnh An Giang, Kiên Giang, Long An,... Lượng đường nhập lậu ước tính khoảng 400.000 - 500.000 tấn/năm. Hàng nhập lậu ảnh hưởng không tốt đến hiệu quả kinh doanh của các công ty đường nội địa.

Hiện nay sản phẩm Công ty nằm trong Top đầu của ngành đường cộng với kinh nghiệm hơn 45 năm trong ngành nên Công ty đã xây dựng được mạng lưới khách hàng rộng khắp cả nước. Hơn nữa, Công ty luôn có những biện pháp để giảm thiểu rủi ro cạnh tranh trong ngành như luôn duy trì và tìm cách nâng cao chất lượng sản phẩm, ổn định giá bán, nâng cao năng suất để hạ giá thành sản phẩm, dẫn tiệm cận với giá đường thế giới, ... Nhờ đó giảm được rủi ro bị cạnh tranh bởi các doanh nghiệp khác trong ngành.

4. Rủi ro của đợt chào bán và rủi ro của hạng mục đầu tư sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

4.1. Rủi ro của đợt chào bán

Giá trị sổ sách của cổ phiếu BHS tại thời điểm 31/12/2015 theo báo cáo tài chính hợp nhất soát xét 6 tháng năm tài chính 2015-2016 là: 15.187 đồng/cổ phiếu – cao hơn giá chào bán 51,87%. Giá trị sổ sách của cổ phiếu BHS tại thời điểm ngày 30/06/2016 theo báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm tài chính 2015-2016 là: 16.506 đồng/cổ phiếu – cao hơn giá chào bán 65,06%.

Giá thị trường 1 cổ phiếu BHS tại thời điểm ngày 29/07/2016 (trước thời điểm công bố thông tin tờ trình Đại hội) là 18.500 đồng/cổ phiếu – cao hơn giá chào bán 85%. Giá thị trường 1 cổ phiếu BHS tại thời điểm gần nhất ngày 15/08/2016 là 17.700 đồng/cổ phiếu – cao hơn giá chào bán 77%.

Với mức chênh lệch giá giữa giá thị trường, giá trị sổ sách và giá chào bán cho cổ đông hiện hữu thì khả năng bán hết số cổ phần dự kiến chào bán là khả thi. Nhưng từ nay đến ngày chính thức phát hành, thị trường chứng khoán vẫn luôn biến động và khó lường trước được mức độ thay đổi do đó đến ngày chính thức phát hành vẫn sẽ tiềm ẩn rủi ro Công ty không bán hết số cổ phần chào bán. Trong trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện mua hết số cổ phần chào bán, Hội đồng quản trị sẽ xem xét chào bán cho các đối tượng khác nhưng vẫn đảm bảo giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

4.2. Rủi ro của các hạng mục đầu tư sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được dùng để đầu tư nâng cấp nhà máy đường luyện, thực hiện đầu tư vào các công ty cùng ngành, đầu tư vùng nguyên liệu và tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động.

Việc đầu tư nâng cấp nhà máy, đầu tư vào các công ty cùng ngành và đầu tư mở rộng vùng nguyên liệu đã được Hội đồng quản trị nghiên cứu trên cơ sở thận trọng và đã được Hội đồng quản trị giải trình chi tiết với Đại hội đồng cổ đông.

Trong trường hợp chào bán không thu đủ số tiền tối thiểu như dự kiến, Hội đồng quản trị sẽ cân nhắc thứ tự ưu tiên khi tiến hành đầu tư vào các hạng mục trên. Việc xác định thứ tự ưu tiên khi đầu tư, giá trị đầu tư vào mỗi hạng mục được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định, đảm bảo mang lại lợi ích tốt nhất cho Công ty và

các cổ đông. Tiến độ đầu tư vào các công ty trên sẽ được Hội đồng quản trị báo cáo đầy đủ với cổ đông và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu từ đợt chào bán:

• **Pha loãng giá thị trường:**

Giá định giá thị trường trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 19.000 đồng/cổ phiếu, như vậy giá cổ phiếu bị điều chỉnh (do việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán cổ phiếu theo quyền mua cho cổ đông hiện hữu) tại ngày giao dịch không hưởng quyền là 12.600 đồng/cổ phiếu.

• **Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) và giá trị sổ sách mỗi cổ phần (BV):**

Do số lượng cổ phần của Công ty sau khi phát hành sẽ tăng lên nên ngay sau khi phát hành thu nhập trên 1 cổ phần và giá trị sổ sách 1 cổ phần của Công ty sẽ bị pha loãng. Giá sử đến ngày 31/10/2016 đợt phát hành sẽ kết thúc và Công ty thu được toàn bộ số tiền từ đợt phát hành trên.

| STT | Nội dung | Đơn vị | Niên độ 2016 - 2017 (dự tính) |
|-----|--|-----------|-------------------------------|
| 1 | Lợi nhuận sau thuế hợp nhất dự kiến năm tài chính 2016-2017 | Đồng | 191.100.000.000 |
| 2 | Vốn chủ sở hữu dự kiến trước thời điểm phát hành (30/06/2016) | Đồng | 2.105.401.110.699 |
| 3 | Số lượng cổ phần trước phát hành – Cổ phiếu quỹ | Cổ phần | 129.511.198 |
| 4 | Số lượng cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu | Cổ phần | 129.511.198 |
| 5 | Số lượng cổ phần phát hành tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu | cổ phần | 38.853.359 |
| 6 | Số lượng cổ phần sau khi phát hành {=(3)+(4)+(5)} | Cổ phần | 297.875.755 |
| 7 | Số lượng cổ phần bình quân gia quyền sau khi phát hành tại thời điểm 31/10/2016 {=((3)x4+(6)x8)/12} | Cổ phần | 241.754.236 |
| 8 | Vốn chủ sở hữu dự kiến sau phát hành {=(2)+10.000x(4)} | Đồng | 3.400.513.090.699 |
| 9 | EPS năm tài chính 2016-2017 nếu không phát hành {=(1)/(3)} | Đồng/CP | 1,476 |
| 10 | EPS niên độ 2016-2017 nếu có phát hành {=(1)/(7)} | (đồng/Cp) | 790 |

| STT | Nội dung | Đơn vị | Niên độ 2016 - 2017(dự tính) |
|-----|---|-----------|------------------------------|
| 11 | Tỷ lệ pha loãng EPS do phát hành | % | 46% |
| 12 | BV trước khi phát hành cho cổ đông hiện hữu {=(2)/(3)} | (đồng/Cp) | 16.257 |
| 13 | BV sau khi phát hành {=(8)/(6)} | (đồng/Cp) | 11.416 |
| 14 | Tỷ lệ pha loãng BV do phát hành | % | 30% |

Trên thực tế, sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS cũng như BV của Công ty. Mức độ pha loãng này sẽ được giảm đi khi Công ty sử dụng số tiền huy động được từ đợt phát hành để đầu tư một cách hiệu quả nhất, mang về tốc độ tăng trưởng tốt hơn trong tương lai.

- **Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết:**

Do số lượng cổ phần lưu hành sẽ tăng lên sau khi hoàn tất phát hành nên tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm trong trường hợp cổ đông hiện hữu không tham gia mua thêm cổ phiếu tương ứng với tỷ lệ đang nắm giữ.

6. Rủi ro quản trị công ty:

Công ty được thành lập và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ năm 2001 và trở thành công ty niêm yết từ năm 2006. Cơ cấu điều hành và quản trị của Công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Công ty còn được kiểm soát chặt chẽ bởi đội ngũ Ban kiểm soát uy tín và chuyên nghiệp do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Do đó các hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra, với kinh nghiệm lâu năm trong ngành sản xuất và kinh doanh đường, đội ngũ quản trị của Công ty luôn nỗ lực hạn chế tối đa các rủi ro trong vấn đề quản trị Công ty.

7. Rủi ro khác:

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn... là những rủi ro bất khả kháng. Nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành:

| | |
|---------------------|-------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Hoa | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Bà Trần Quế Trang | Chức vụ: Tổng giám đốc |
| Ông Nguyễn Minh Tín | Chức vụ: Kế toán trưởng |
| Ông Lê Văn Hòa | Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn:

Đại diện theo pháp luật:

| | |
|------------------|---|
| Ông Nhữ Đình Hòa | Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt |
| Ông Võ Hữu Tuấn | Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Tp.HCM - Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt |

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM:

| | |
|-----------------|---|
| Công ty: | Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa |
| Tổ chức tư vấn: | Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt |
| BVSC: | Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt |
| BHS: | Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa |
| DHĐCĐ: | Đại hội đồng cổ đông |
| HĐQT: | Hội đồng quản trị |
| BKS: | Ban kiểm soát |
| BTGD: | Ban Tổng Giám đốc |
| TGD: | Tổng Giám đốc |
| P.TGD: | Phó Tổng Giám đốc |
| CNĐKDN: | Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |
| CTCP: | Công ty cổ phần |
| TNHH: | Trách nhiệm hữu hạn |
| HĐTV: | Hội đồng thành viên |
| UBND: | Ủy ban nhân dân |
| QLDN: | Quản lý doanh nghiệp |
| DTT: | Doanh thu thuần |
| CPQL: | Chi phí quản lý |
| CPBH: | Chi phí bán hàng |
| CBCNV: | Cán bộ công nhân viên |
| TSCĐ: | Tài sản cố định |
| BCTC: | Báo cáo tài chính |
| GTGT: | Giá trị gia tăng |
| CP: | Cổ phiếu |
| TMN: | Tấn mía/ngày |
| VNL: | Vùng nguyên liệu |
| WTO: | Tổ chức Thương mại Thế Giới |
| BCKT: | Báo cáo kiểm toán |

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa được xây dựng từ năm 1969 với tiền thân là Nhà máy đường 400 tấn, sản phẩm chính lúc bấy giờ là đường ngà, rượu mùi, bao dầy.

- Đến năm 1971 - 1972, đầu tư Nhà máy đường tinh luyện.
- Năm 1994, nhà máy Đường Biên Hòa đổi tên thành Công ty Đường Biên Hòa.
- Năm 1995, để mở rộng sản xuất Công ty Đường Biên Hòa tiến hành đầu tư mở rộng công suất sản xuất đường luyện tại Biên Hòa từ 200 tấn/ngày lên 300 tấn/ngày và khởi công xây dựng nhà máy Đường Tây Ninh (hiện nay là Nhà máy Đường Biên Hòa - Tây Ninh).
- Sau hơn hai năm thiết kế, thi công và lắp đặt, Nhà máy Đường Tây Ninh đã chính thức đi vào hoạt động ngày 26/03/1998 với công suất chế biến là 2.500 tấn mía/ngày, đến năm 2001 đã đầu tư nâng công suất chế biến lên 3.500 tấn mía/ngày, qua các giai đoạn đầu tư nâng cấp thiết bị, hiện nay công suất chế biến của Nhà máy đạt 4.000 tấn mía/ngày.
- Năm 1997, thành lập Nông trại mía Thành Long với diện tích 960 ha.
- Ngày 27/03/2001, theo Quyết định số 44/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Đường Biên Hòa thành Công ty cổ phần, quá trình cổ phần hóa Công ty đã diễn ra và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 16/05/2001. Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa ra đời.
- Ngày 30/08/2006, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký phát hành số 51/UBCK-ĐKPH. Công ty đã phát hành bổ sung cổ phần để huy động vốn, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 81.000.000.000 đồng lên 162.000.000.000 đồng.
- Ngày 21/11/2006, Chủ tịch UBCK Nhà nước đã có Quyết định số 79/UBCK-GPNY v/v cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa. Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM vào ngày 20/12/2006 với mã chứng khoán BHS, đây là một sự kiện quan trọng đánh dấu bước phát triển mới của Công ty.
- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2007 về việc chi trả cổ tức đợt cuối năm 2006 mức 4% vốn điều lệ bằng cổ phiếu, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2008 về việc chi trả cổ tức đợt cuối năm 2007 mức 10% vốn điều lệ bằng cổ phiếu, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

thường niên năm 2011 về việc phát hành cổ phiếu thường cho Cổ đông hiện hữu tỷ lệ 61,88%, qua 03 đợt tăng vốn điều lệ theo hình thức chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thường, vốn điều lệ của Công ty tăng lên 299.975.800.000 đồng.


- Tháng 11/2007 Công ty mua lại Công ty Mía Đường Trị An thành lập Nhà máy Đường Biên Hòa - Trị An. Qua các giai đoạn đầu tư nâng cấp thiết bị, hiện nay công suất chế biến của Nhà máy đạt 2.500 tấn mía/ngày.
- Năm 2015 Công ty đã sáp nhập Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa vào theo hình thức phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa, nâng vốn điều lệ sau sáp nhập lên 1.233.439.980.000 đồng. Tổng công suất chế biến của toàn hệ thống được nâng lên 11.700 tấn mía/ngày.

1.2. Những thành tích đã đạt được:

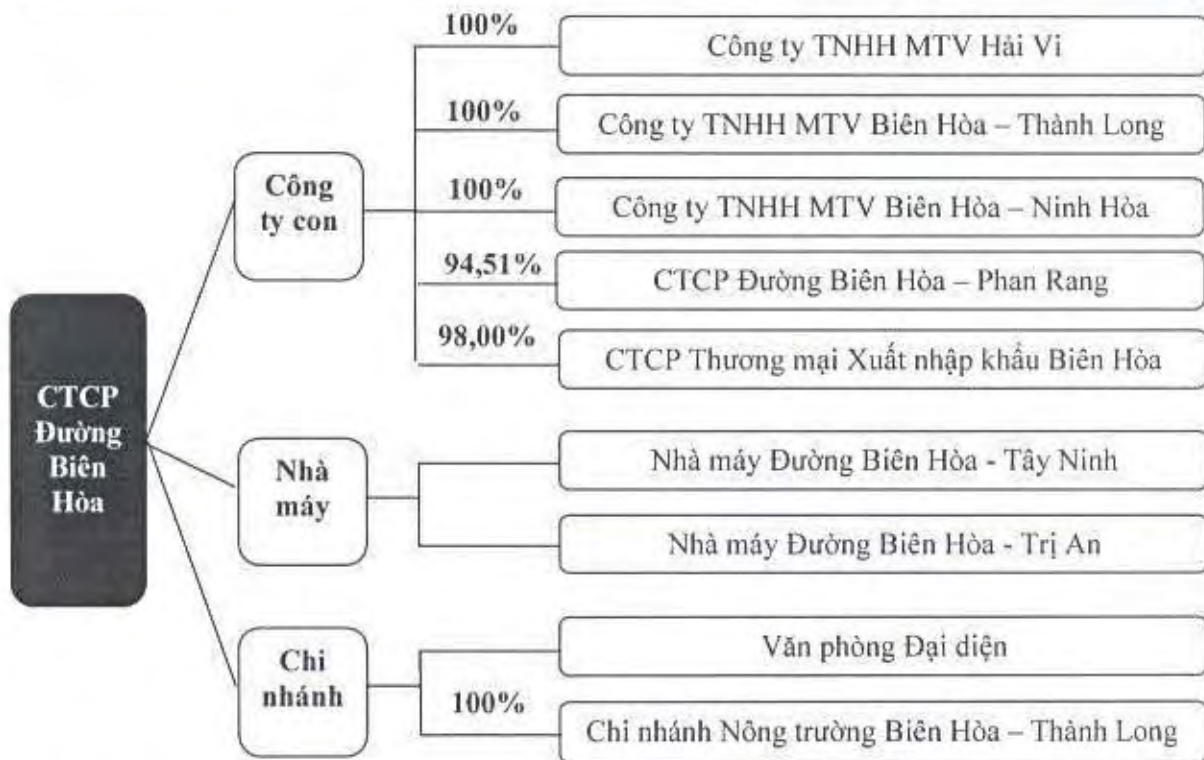
- Công ty được tổ chức BSI cấp giấy chứng nhận đạt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào ngày 12/08/2012.
- Giấy chứng nhận nhận hệ thống HACCP áp dụng cho sản xuất đường luyện do tổ chức Intertek cấp ngày 08/06/2012.
- Công ty được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới” vào ngày 07/11/2000.
- Công ty là đơn vị duy nhất trong toàn ngành đường có sản phẩm được bình chọn liên tục trong 16 năm liền là “Hàng Việt Nam chất lượng cao” (1997-2014). Năm 2006 nằm trong TOP 100 thương hiệu mạnh nhất Việt Nam được người tiêu dùng bình chọn do báo Sài Gòn Tiếp Thị tổ chức, năm 2007 nằm trong 100 thương hiệu dẫn đầu được người tiêu dùng bình chọn do báo Sài Gòn Tiếp Thị tổ chức.
- Năm 2004 - 2007, Công ty được bình chọn và được trao cúp vàng “Top Ten Thương Hiệu Việt” do Hội Sở hữu Công nghiệp Việt Nam - Mạng thương hiệu Việt bình chọn.
- Năm 2005 - 2007, nhận danh hiệu “Thương hiệu nổi tiếng” do Cục Sở hữu trí tuệ phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin bình chọn.
- Năm 2006 - 2007, nhận danh hiệu “Nhãn hiệu cạnh tranh nổi tiếng”, doanh nghiệp Việt Nam uy tín - chất lượng năm 2007.
- Năm 2006 đạt Cúp vàng “Vì sự tiến bộ xã hội và phát triển bền vững”.
- Năm 2004 - 2008, nhận danh hiệu Bạn Nhà Nông.
- Sao vàng đất Việt năm 2008.
- Thương hiệu chứng khoán uy tín và Công ty Cổ phần hàng đầu năm 2008.
- Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

1.3. Giới thiệu về Công ty:

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
- Tên viết bằng tiếng nước ngoài: Bien Hoa Sugar Joint Stock Company
- Tên viết tắt: BSJC
- Niêm yết tại: Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh
- Mã chứng khoán: BHS

- Logo: 
- Vốn điều lệ: 1.295.111.980.000 đồng (Một nghìn hai trăm chín mươi lăm tỷ, một trăm mười một triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng)
- Tương ứng với : 129.511.198 cổ phiếu phổ thông
- Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, P.An Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai
- Điện thoại: (061) 3 836 199
- Fax: (061) 3 836 213
- Website: www.bhs.vn
- Email: bhs@bhs.vn
- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 3600495818 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 16/05/2001, thay đổi lần thứ 16, vào ngày 08/07/2016.
- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:
 - + Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm sản xuất có sử dụng đường, sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường.
 - + Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường.
 - + Sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường.
 - + Thi công các công trình xây dựng và công nghiệp.
 - + Mua bán, đại lý, ký gởi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật tư ngành mía đường.
 - + Dịch vụ vận tải.
 - + Dịch vụ ăn uống.
 - + Cho thuê kho bãi.
 - + Sản xuất và kinh doanh sản phẩm rượu các loại.
 - + Kinh doanh bất động sản.
 - + Dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp.
 - + Sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp.

2. Cơ cấu tổ chức công ty:



2.1. Công ty con

Thông tin về các công ty được thể hiện tại Mục 5.2

2.2. Nhà máy

➤ Nhà máy Đường Biên Hòa - Tây Ninh

Địa chỉ : Xã Tân Bình, Thị Xã Tây Ninh - Tỉnh Tây Ninh

Điện thoại : (066) 3 821 995 Fax: (066) 3 823 602

Chức năng:

- Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của nhà máy.
- Tổ chức và quản lý dịch vụ xe cơ giới, tổ chức thực hiện tất cả các dự án liên quan đến cơ giới nông nghiệp tại Nhà máy.
- Quản lý tài sản Công ty giao, tổ chức xây dựng và thực hiện bảo dưỡng sửa chữa.
- Thực hiện công tác hạch toán kế toán, quản lý tài chính của nhà máy.
- Tổ chức thực hiện các dự án của Công ty tại nhà máy.
- Đại diện cho Công ty làm việc với các cơ quan, chính quyền địa phương.
- Giám sát việc thực hiện các chủ trương của Công ty trong lĩnh vực huy động nguyên liệu mía, phát triển vùng nguyên liệu, chính sách đầu tư, quy trình kỹ thuật, định mức sản xuất nguyên liệu tại Nhà máy.
- Thu thập thông tin kiểm tra kế hoạch sản xuất của các đơn vị trước khi trình Tổng giám đốc xem xét.

➤ **Nhà máy Đường Biên Hòa - Trị An**

Địa chỉ : Xã Trị An, Huyện Vĩnh Cửu - Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : (061) 3 929 725 Fax: (061) 3 929 724

Chức năng:

- Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh do HĐQT/Tổng giám đốc giao.
- Quản lý tài sản Công ty giao, tổ chức xây dựng và thực hiện bảo dưỡng sửa chữa.
- Thực hiện công tác hạch toán kế toán, quản lý tài chính của nhà máy.
- Tổ chức thực hiện các dự án của Công ty tại nhà máy.
- Đại diện cho Công ty làm việc với các cơ quan, chính quyền địa phương.

2.3. Chi nhánh

➤ **Văn phòng Đại diện**

(Thành lập theo Giấy CNĐKKD số 3600495818-012 ngày 08/9/2014).

Địa chỉ : 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : 083.842 3372 Fax: 083.844 4558

Chức năng

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch và tổ chức thực hiện khi được phê duyệt các hoạt động kinh doanh sản phẩm của Công ty và ngoài Công ty theo đúng qui chế hoạt động của Công ty và của Chi nhánh;
- Quản lý sử dụng hiệu quả tài sản và vốn do Công ty cấp. Thực hiện dịch vụ hành chính của Công ty tại khu vực;
- Tổ chức hoạt động Marketing nghiên cứu thị trường, xây dựng kế hoạch, chiến lược kinh doanh.

➤ **Chi nhánh: Nông trường Biên Hòa – Thành Long**

(Thành lập theo Giấy CNĐKKD số 3600495818-011 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 26/04/02014)

Địa chỉ : Tổ 1, Ấp Thành Đông, xã Thành Long, huyện Châu Thành, Tây Ninh

Chức năng:

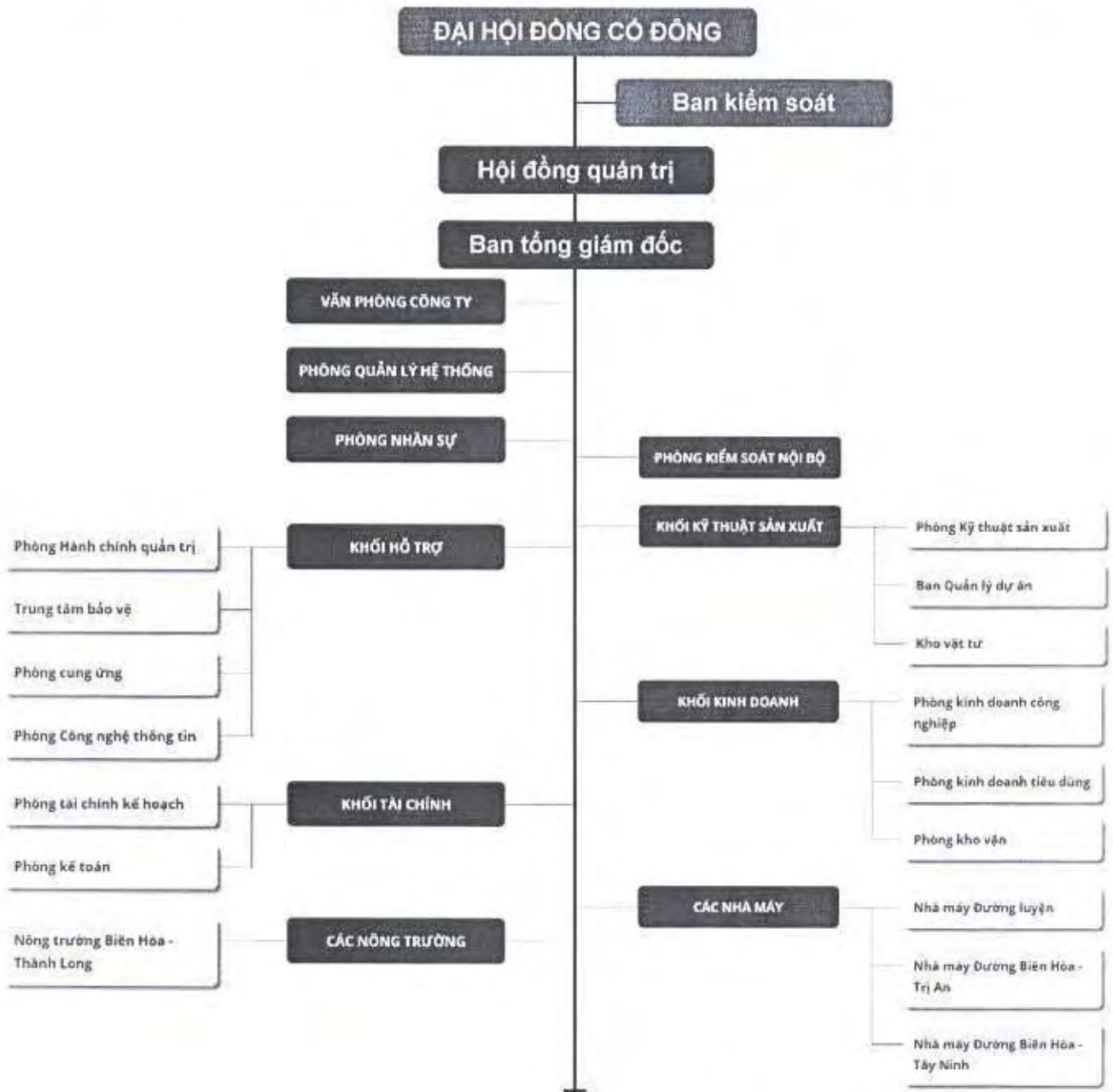
- Quản lý hành chính.
- Tổ chức điều hành sản xuất theo kế hoạch đã được duyệt.
- Kiểm soát các quy trình, quy phạm về thiết bị, quy trình canh tác.
- Kiểm soát tiêu hao vật tư, nguyên nhiên liệu, chi phí sản xuất.

- Quản lý thiết bị nông nghiệp, Nhà xưởng, vật kiến trúc.
- Nghiên cứu đề xuất ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất Nông nghiệp.
- Quản lý sổ sách kế toán.
- Sản xuất mía nguyên liệu cho nhà máy đường Biên Hòa Tây Ninh và sản xuất giống tự cung cấp cho Nông trường Thành Long và vùng nguyên liệu nhà máy đường BH-TN
- Chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa, tưới tiêu, phòng trừ dịch hại... cho các đơn vị thành viên.
- Tư vấn kỹ thuật canh tác và khuyến nông cho các công ty thành viên.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty:

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty. Điều lệ Công ty bản sửa đổi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/06/2015 là cơ sở chi phối mọi hoạt động của Công ty.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CTCP ĐƯỜNG BIÊN HÒA



Nguồn: CTCP Đường Biên Hòa

➤ **Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty**

Đại hội đồng cổ đông : Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và người được cổ đông ủy quyền.

Hội đồng quản trị : Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, thực thi nhiệm vụ hoạch định chủ trương, đường lối, mục tiêu, chiến lược phát triển của toàn Công ty đồng thời kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện của bộ máy điều hành. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty. Hiện tại Hội đồng quản trị Công ty có 5 thành viên, nhiệm kỳ mỗi thành viên là 5 năm.

Ban kiểm soát : Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính của Công ty. Hiện tại Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ 5 năm.

Ban Tổng Giám đốc : Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược và kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ban Tổng Giám đốc bao gồm 6 thành viên: Tổng Giám đốc và 2 Phó Tổng Giám đốc.

Tổng Giám Đốc

Tổng Giám đốc là người đứng đầu bộ máy điều hành, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, thay mặt Hội đồng quản trị điều hành Công ty, chịu trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động sản xuất- kinh doanh của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Phụ trách chung mọi hoạt động của Công ty.
- Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
- Tham mưu cho Hội đồng quản trị về hoạch định chiến lược và chính sách sản xuất-kinh doanh.
- Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất- kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện sản xuất- kinh doanh, kế hoạch đầu tư hàng năm của Công ty.
- Ban hành các quy trình của công ty.
- Tuyển dụng lao động, bố trí, sắp xếp lao động và chấm dứt hợp đồng lao động ngoại trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc sẽ căn cứ vào khả năng và nhu cầu quản lý để thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định cho các Phó Tổng Giám đốc. Phó Tổng Giám đốc có nhiệm vụ sau:

- Phó Tổng giám đốc là người giúp việc cho Tổng giám đốc, thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công, ủy quyền của Tổng giám đốc.
- Tham mưu về chuyên môn, về công tác quản lý hoạt động của Công ty cho Tổng giám đốc.
- Đề xuất giải pháp củng cố, hoàn thiện, phát triển các chính sách, chủ trương, chiến lược phát triển của Công ty.
- Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra và chịu trách nhiệm về hoạt động của các Đơn vị thuộc Khối chuyên trách trong trường hợp được phân công phụ trách Khối.
- Có trách nhiệm tuân thủ nghiêm túc quy định pháp luật, các quy định nội bộ của Công ty.
- Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao nói trên và các nhiệm vụ khác theo phân công cụ thể của Tổng giám đốc.

➤ **Các phòng ban chức năng**

Văn phòng Công ty :

Là cơ quan trực thuộc Ban tổng giám đốc và giúp việc cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc. Nhân sự của Văn phòng Công ty gồm: Chánh văn phòng Công ty, Trợ lý/ Thư ký Hội đồng quản trị, Trợ lý/ Thư ký Ban tổng giám đốc, Chuyên viên/ nhân viên văn phòng Công ty. Nhiệm vụ của văn phòng Công ty:

- Là cầu nối giữa:
 - o Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.
 - o Ban Tổng giám đốc với các trường phó tất cả các đơn vị trực thuộc Công ty.
 - o Công ty với các cổ đông và các công ty trực thuộc.
 - o Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc với các Cơ quan, ban ngành, đoàn thể, các tổ chức, cá nhân bên ngoài Công ty.
- Là cơ quan tham mưu cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.
- Là cơ quan truyền đạt các ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đến tất cả các đơn vị trực thuộc Công ty.
- Theo dõi, đôn đốc các đơn vị trong việc thi hành các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, thông báo và các ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.
- Là cơ quan chuyên trách thực hiện công tác thư ký, văn thư tổng hợp cho Hội đồng

quản trị và Ban Tổng giám đốc:

- o Lập lịch làm việc, lịch công tác cho Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc.
 - o Phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức các cuộc họp, các buổi làm việc, tiếp khách, các chuyến đi công tác trong và ngoài nước của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc.
 - o Soạn thảo các văn bản, thông báo, ý kiến chi đạo, quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.
 - o Nhận trực tiếp các hồ sơ trình duyệt từ các đơn vị gửi lên cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.
 - o Kiểm tra nội dung, thể thức trình bày tất cả các văn bản của các đơn vị trước khi trình Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc ký duyệt, ký ban hành.
 - o Theo dõi, trả trực tiếp các hồ sơ trình duyệt, xin ý kiến cho các đơn vị.
 - o Đầu mối thu thập, tổng hợp các kiến nghị, đề xuất đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc của các đơn vị lên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.
 - o Thư ký các cuộc họp do Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc chủ trì.
- Là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm quản lý hồ sơ cổ đông của Công ty, thực hiện chức năng công bố thông tin của Công ty.
 - Thực hiện các công tác khác theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty.

Phòng Quản lý hệ thống

- Quản lý hệ thống phù hợp theo các tiêu chuẩn về chất lượng công ty tham gia.
- Triển khai các công cụ hỗ trợ quản lý chất lượng – An toàn thực phẩm.
- Đảm bảo chất lượng.
- Quản lý 5S.

Phòng Nhân sự

- Tuyển dụng
- Quản lý nguồn nhân lực
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực
- Tham mưu phát triển hệ thống khen thưởng, kỷ luật, phúc lợi và đãi ngộ nhân sự
- Dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe người lao động.

Phòng Kiểm soát nội bộ

- Thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ.
- Đóng góp ý kiến để hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.

Khối Kỹ thuật – Sản xuất

Bao gồm phòng:

❖ Phòng Kỹ thuật sản xuất

- Quản lý kỹ thuật công nghệ toàn Công ty.
- Quản lý thiết bị kỹ thuật toàn Công ty.
- Quản lý chất lượng sản phẩm (BP QC)
- Các chức năng tác nghiệp theo chuyên môn

❖ Ban Quản lý Dự án

- Là đầu mối tổ chức các hoạt động liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư của công ty;
- Tổ chức thực hiện giám sát thi công và lắp đặt thiết bị các dự án;
- Thực hiện chức năng quản lý dự án đối với các dự án công ty làm chủ đầu tư: tổ chức triển khai, quản lý tiến độ thực hiện của dự án; tổ chức quản lý chất lượng của dự án;
- Tổ chức thi công dự án theo hình thức chủ đầu tư tự thực hiện hoặc thuê ngoài thi công;
- Tham mưu cho Ban Lãnh đạo Công ty các vấn đề liên quan đến quản lý dự án mà công ty làm chủ đầu tư.

❖ Kho vật tư

- Quản lý việc nhập xuất và bảo quản thiết bị, máy móc, công cụ dụng cụ liên quan đến hoạt động sản xuất toàn công ty.
- Kiểm tra, kiểm soát và hỗ trợ chuyên môn các kho vật tư khác tại Nhà máy và Công ty con.

Khối Hỗ trợ:

Bao gồm phòng:

❖ Phòng Hành chính quản trị

- Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ, lễ tân.
- Công tác Quản lý tài sản thuộc hệ thống văn phòng.
- Công tác Hành chính phục vụ; Quản lý nhà ăn tập thể.
- Cung ứng vật tư trang thiết bị văn phòng: đồng phục, BHLĐ, bàn ghế, máy vi tính, VPP.
- Công tác sửa chữa nhỏ thuộc lĩnh vực xây dựng cơ bản.

❖ Trung tâm bảo vệ

- Công tác bảo vệ mục tiêu, bảo vệ an ninh trật tự, bảo vệ tài sản, quản lý công tác PCCC.
- Công tác điều xe, quản lý xe văn phòng, lái xe.

❖ **Phòng Cung ứng**

- Cung ứng vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu, hóa chất... phục vụ sản xuất cho các đơn vị tại Công ty và nhà máy.
- Thực hiện việc bán thanh lý các vật tư hư hỏng, phế liệu của Công ty, các Nhà máy sau khi có quyết định của Hội đồng thanh lý tài sản.
- Huy động nguyên liệu phục vụ sản xuất và huy động đường kinh doanh nhập khẩu & cung ứng nội địa.
- Thực hiện dịch vụ hải quan, xuất nhập khẩu tại chỗ cho Khối Kinh doanh.
- Huy động đường kinh doanh, đường nguyên liệu.

❖ **Phòng Công nghệ thông tin**

- Hỗ trợ người dùng sử dụng các thiết bị CNTT.
- Quản trị hệ thống mạng.
- Phát triển ứng dụng, triển khai và vận hành ứng dụng công nghệ thông tin theo định hướng chung của Công ty.

Khối Tài chính

Bao gồm phòng:

❖ **Phòng Tài chính – Kế hoạch**

- Quản lý tài chính và các hoạt động tài chính toàn Công ty
- Tổ chức xây dựng và điều phối công tác kế hoạch.
- Tham mưu Ban lãnh đạo trong công tác tài chính, kế hoạch.

❖ **Phòng Kế toán**

- Thực hiện những công việc về nghiệp vụ chuyên môn kế toán theo đúng quy định của Nhà nước về chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán.
- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc công ty trong lĩnh vực quản lý các hoạt động kế toán.
- Tham mưu, hỗ trợ chuyên môn, nghiệp vụ cho bộ máy quản lý chung của Công ty.
- Tổ chức bộ máy kế toán đơn vị trực thuộc.
- Quản lý ngân quỹ, bản chính chứng từ có giá.

Khối kinh doanh

Bao gồm phòng:

❖ **Phòng Kinh doanh công nghiệp**

- Tiêu thụ đường bao các loại và mật rỉ.
- Tham mưu Công ty xây dựng kế hoạch, kiểm soát, theo dõi và tổng hợp đánh giá tình hình điều chỉnh kế hoạch kinh doanh của toàn Công ty.
- Kinh doanh dịch vụ gia công đường thành phẩm.

❖ **Phòng Kinh doanh tiêu dùng**

- Kinh doanh các sản phẩm đường của Công ty đối với nhóm khách hàng tiêu dùng.
- Quản lý và khai thác và phát triển hệ thống phân phối.
- Thực hiện chương trình hỗ trợ công tác bán hàng.

❖ **Phòng Kho vận**

- Tổ chức kinh doanh kho cho thuê.
- Quản lý kho tàng, phương tiện vận chuyển.
- Tổ chức thực hiện công tác bốc xếp.
- Thực hiện vận chuyển hàng hóa.

➤ **Các Phân xưởng sản xuất/ Nhà máy/ Nông trường.**

❖ **Nhà máy Đường luyện:**

- Tổ chức hoạt động sản xuất tại phân xưởng đường.
- Thực hiện gia công cơ khí, tu bổ, sửa chữa thiết bị theo kế hoạch và nhu cầu của các Đơn vị.
- Quản lý tài sản, thiết bị, công cụ dụng cụ thuộc Đơn vị quản lý.
- Quản lý kho đường thô.

❖ **Nhà máy Đường Biên Hòa – Tây Ninh:**

- Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của nhà máy.
- Quản lý tài sản Công ty giao, tổ chức xây dựng và thực hiện bảo dưỡng sửa chữa.
- Thực hiện công tác hạch toán kế toán, quản lý tài chính của nhà máy.
- Tổ chức thực hiện các dự án của Công ty tại nhà máy.
- Đại diện cho Công ty làm việc với các cơ quan, chính quyền địa phương.
- Giám sát việc thực hiện các chủ trương của Công ty trong lĩnh vực huy động nguyên liệu mía, phát triển vùng nguyên liệu, chính sách đầu tư, quy trình kỹ thuật, định mức sản xuất nguyên liệu tại Nhà máy.
- Thu thập thông tin kiểm tra kế hoạch sản xuất của các đơn vị trước khi trình Tổng giám đốc xem xét.

❖ **Nhà máy Đường Biên Hòa – Trị An:**

- Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh do HĐQT/Tổng giám đốc giao.
- Quản lý tài sản Công ty giao, tổ chức xây dựng và thực hiện bảo dưỡng sửa chữa.
- Thực hiện công tác hạch toán kế toán, quản lý tài chính của nhà máy.
- Đại diện cho Công ty làm việc với các cơ quan, chính quyền địa phương.

❖ **Nông trường Biên Hòa - Thành Long:**

- Quản lý hành chính.
- Tổ chức điều hành sản xuất theo kế hoạch đã được duyệt.
- Kiểm soát các quy trình, quy phạm về thiết bị, quy trình canh tác.
- Kiểm soát tiêu hao vật tư, nguyên nhiên liệu, chi phí sản xuất.
- Quản lý thiết bị nông nghiệp, Nhà xưởng, vật kiến trúc.
- Nghiên cứu đề xuất ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất Nông nghiệp.
- Quản lý sổ sách kế toán.
- Sản xuất mía nguyên liệu cho nhà máy đường Biên Hòa Tây Ninh và sản xuất giống tự cung cấp cho NTTL và vùng nguyên liệu nhà máy đường Biên Hòa – Tây Ninh.
- Chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa, tưới tiêu, phòng trừ dịch hại... cho các công ty thành viên/ công ty liên kết.
- Tư vấn kỹ thuật canh tác và khuyến nông cho các công ty thành viên.
- Tổ chức và quản lý dịch vụ xe cơ giới, tổ chức thực hiện tất cả các dự án liên quan đến cơ giới nông nghiệp.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại:

Căn cứ theo Danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất ngày 25/07/2016 để tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm tài chính 2016 – 2017, cơ cấu cổ đông của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa như sau:

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan tại ngày 25/07/2016:

| Stt | Tên cổ đông | Số đăng ký sở hữu | Địa chỉ | Số CP sở hữu | Tỷ lệ (%) |
|-----|------------------------------|-------------------|--|--------------|-----------|
| I | CTCP Đầu Tư Thành Thành Công | 0301466073 | Số 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, TP HCM | 29.096.988 | 22,47% |

| Stt | Tên cổ đông | Số đăng ký sở hữu | Địa chỉ | Số CP sở hữu | Tỷ lệ (%) |
|------------------|--|-------------------|---|-------------------|---------------|
| 2 | Công ty TNHH Thương Mại Đầu Tư Thuận Thiên | 0303125287 | Số 75, Đường 30/4, P3, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam | 10.985.372 | 8,48% |
| Tổng cộng | | | | 40.082.360 | 30,95% |

Nguồn: CTCP Đường Biên Hòa

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ tại ngày 25/07/2016

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa được cổ phần hóa từ ngày 16/05/2001 theo quyết định số 44/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ nênthời hạn quy định về việc hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu đối với cổ đông sáng lập đã không còn hiệu lực.

4.3. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại (ngày 25/07/2016)

| STT | Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số CP sở hữu | Tỷ lệ (%) |
|-------------|---------------------------|------------------|--------------------|----------------|
| I | Cổ đông là tổ chức | 85 | 51.767.610 | 39,97% |
| 1 | Trong nước | 63 | 43.634.964 | 33,69% |
| 2 | Nước ngoài | 22 | 8.132.646 | 6,279% |
| II | Cổ đông cá nhân | 5.031 | 77.743.588 | 60,03% |
| 1 | Trong nước | 4854 | 75.578.097 | 58,36% |
| 2 | Nước ngoài | 177 | 2.165.491 | 1,67% |
| III | Cổ phiếu quỹ | 0 | 0 | 0,00% |
| Tổng | | 5.116 | 129.511.198 | 100,00% |

Nguồn: CTCP Đường Biên Hòa

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành:

5.1. Danh sách công ty mẹ và công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa:

Không có

5.2. Danh sách công ty con và những công ty mà Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

a. Công ty con:

- Công ty TNHH MTV Biên Hòa – Ninh Hòa

- Tên công ty: Công ty TNHH MTV Biên Hòa – Ninh Hòa
- Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, Xã Ninh Xuân, Thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.
- Điện thoại: (058) 3 620 416 Fax:(058) 3 620 143
- Vốn điều lệ: 607.500.000.000 đồng (Sáu trăm linh bảy tỷ năm trăm triệu)

đồng)

- Giấy CNĐKKD số: 4200636590 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 02/03/2006, thay đổi lần thứ 13 ngày 20/11/2015.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh đường.
- Tỷ lệ cổ phần do Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa nắm giữ: 100%.

• **Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang**

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang
- Địa chỉ: 160 Bác Ái, Phường Đô Vinh, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.
- Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ đồng)
- Giấy CNĐKKD số: 4500138596 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 28/01/2016.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; trồng mía; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ
- Tỷ lệ cổ phần do Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa nắm giữ: 94,51%.

• **Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Biên Hòa**

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Biên Hòa
- Địa chỉ: 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng)
- Giấy CNĐKKD số: 0313733213 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tp.HCM cấp ngày 04/04/2016.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Bán mua đường và các sản phẩm có sử dụng đường, bán buôn thực phẩm công nghệ, bán buôn đồ uống...
- Tỷ lệ cổ phần do Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa nắm giữ: 98%.

b. Công ty liên kết:

• **Công ty Cổ phần Nghiên cứu & Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công:**

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Nghiên cứu và ứng dụng mía đường Thành Thành Công.
- Địa chỉ: Số 99, ấp Bình Hòa, tỉnh Tây Ninh.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng)
- Giấy CNĐKKD số: 3901162964 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tây Ninh cấp ngày 21/03/2013.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Nghiên cứu, lai tạo giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía đường.
- Tỷ lệ cổ phần do Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa nắm giữ: 24%.

• Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh
- Địa chỉ: 19 Võ Thị Sáu, Phường 3, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
- Vốn điều lệ: 294.040.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi bốn tỷ, không trăm bốn mươi triệu đồng)
- Giấy CNĐKKD số: 3900243272 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 23/5/2007.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Trồng, chế biến kinh doanh các sản phẩm ngành mía đường, khoai mì, cao su. Sản xuất, kinh doanh sản phẩm nhựa, gỗ, vật liệu xây dựng, Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Kinh doanh bất động sản, đầu tư tài chính; Kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu.
- Tỷ lệ cổ phần do Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa nắm giữ: 26,49%.

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

| Thời điểm tăng vốn | Số lượng cp phát hành (cp) | Vốn điều lệ sau phát hành (đồng) | Hình thức tăng vốn | Đơn vị cấp |
|--------------------|----------------------------|----------------------------------|---|-------------------------------------|
| 2001 | 8.100.000 | 81.000.000.000 | Vốn ban đầu | Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai |
| Tháng 10/2006 | 8.100.000 | 162.000.000.000 | Phát hành tăng vốn điều lệ | Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước |
| Tháng 05/2007 | 647.727 | 168.477.270.000 | Chia cổ tức bằng cổ phiếu | Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước |
| Tháng 05/2008 | 1.683.893 | 185.316.200.000 | Chia cổ tức bằng cổ phiếu | Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước |
| Tháng 11/2011 | 11.465.960 | 299.975.800.000 | Chia cổ phiếu thưởng | Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước |
| Tháng 11/2012 | 1.499.879 | 314.974.590.000 | Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động | Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước |
| Tháng 11/2013 | 31.497.459 | 629.949.180.000 | Phát hành tăng vốn điều lệ (cho cổ đông hiện hữu) | Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước |
| Tháng 11/2015 | 60.349.080 | 1.233.439.980.000 | Phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi toàn bộ cổ phần của CTCP Đường Ninh Hòa | Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước |
| Tháng 06/2016 | 6.167.200 | 1.295.111.980.000 | Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động | Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước |

Nguồn: BHS

7. Hoạt động kinh doanh:

7.1. Sản lượng sản phẩm qua các năm:

a. Năng lực sản xuất và các dòng sản phẩm chính của Công ty

- Năng lực sản xuất:

Sau khi sáp nhập Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa vào hệ thống và tăng tỷ trọng đầu tư vào Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang, tổng năng lực sản xuất của toàn hệ thống Đường Biên Hòa bao gồm các công ty con hiện nay đã được nâng lên đáng kể, cụ thể:

| STT | Nhà máy | Công suất thiết kế (TMN) | Vụ 2015-2016 | |
|-----------|--|--------------------------|------------------------|-----------------------|
| | | | Sản lượng mía ép (tấn) | Sản lượng đường (tấn) |
| I | Đường thành phẩm | 9.200 | 1.016.892 | 227.639 |
| 1 | Nhà máy chính ở Biên Hòa (Nhà máy Đường luyện) | 350 tấn thành phẩm/ngày | - | 124.565 |
| 2 | Nhà máy Biên Hòa – Trĩ An | 2.500 | 237.834 | 24.852 |
| 3 | Nhà máy Ninh Hòa | 5.200 | 597.150 | 72.746 |
| 4 | Nhà máy Phan Rang | 1.500 | 181.908 | 5.476 |
| II | Đường thô | 4.000 | 340.616 | 43.149 |
| 1 | Nhà máy Biên Hòa – Tây Ninh | 4.000 | 340.616 | 31.427 |
| 2 | Nhà máy Phan Rang | | - | 11.722 |
| | Tổng cộng | 13.200* | 1.357.508 | 270.788 |

Nguồn: BHS

(*): Tổng công suất thiết kế đối với nhà máy ép mía

• Vùng nguyên liệu:

Chiến lược phát triển vùng nguyên liệu là một trong những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong hệ thống ngành đường BHS (BHS, BHS Ninh Hòa, BHS Phan Rang) nhằm hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng chữ đường cũng như năng suất cho cây mía.

Hiện BHS đang xây dựng kế hoạch đầu tư cho vùng nguyên liệu rộng trên 15.500 héc ta với tổng số vốn lên tới 72 tỷ đồng hướng đến quyết tâm đưa vùng nguyên liệu vào quỹ đạo phát triển bền vững, tạo diện mạo mới cho ngành nông nghiệp địa phương với những cánh đồng mẫu lớn bạt ngàn được trang bị hệ thống phục vụ chăm sóc tưới tiêu hiện đại.

Diện tích vùng nguyên liệu của BHS Ninh Hòa được phân bố tại 7 trạm nông vụ trên địa bàn thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa (9.100 ha) và huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk (3.900 ha).

Vùng nguyên liệu tương đối tập trung, cự ly vận chuyển bình quân 45 km, trong đó tại Khánh Hòa là 25 km (chiếm 70% sản lượng), tại M'Đrăk là 70 km (chiếm gần 30% sản lượng), tạo điều kiện thuận tiện cho công tác đầu tư thâm canh, quản lý thu hoạch, vận chuyển và đảm bảo chất lượng mía thành phẩm. Tất cả được đầu tư cơ giới hóa đồng bộ và triển khai ký kết hợp đồng bao tiêu với các

hộ nông dân tại địa phương nhằm mục tiêu phát triển bền vững – “Nông dân có lời – Nhà máy có lãi”.

BHS đang áp dụng quy trình quản lý chặt chẽ (từ khâu cung cấp giống mía, cơ giới hóa, áp dụng các phương pháp chăm sóc, sản xuất hiện đại cho đến việc thu hoạch, chế biến sản phẩm) không chỉ góp phần gia tăng giá trị kinh tế mà còn hỗ trợ người nông dân trồng mía nâng cao chất lượng cuộc sống, thay đổi thói quen canh tác manh mún, lạc hậu trước đây.

Ngoài việc đầu tư cho vùng nguyên liệu, BHS còn chú trọng đẩy mạnh các công tác khuyến nông với kinh phí hơn 2 tỷ đồng. Trong đó, BHS đặc biệt quan tâm đến việc hỗ trợ cho nông dân chi phí sửa chữa đường nội đồng; khảo nghiệm tưới tiết kiệm; hỗ trợ giống mía; hỗ trợ bã bùn mía cho các hộ trồng mới; hỗ trợ cày phá lâm trồng mía (sâu > 35cm), trồng và cày ngâm bón phân cho mía; hỗ trợ lãi suất mua máy kéo, thiết bị nông nghiệp; hỗ trợ chi phí mua nhiên liệu bơm nước tưới mía, cơ giới; hỗ trợ xử lý các loại bệnh trên cây mía; đưa một số cán bộ nguyên liệu, chính quyền địa phương các cấp; hộ nông dân trồng mía giỏi đi học tập kỹ thuật, kinh nghiệm trồng mía tiên tiến trong và ngoài nước.

- Sản phẩm của BHS:

Hầu hết doanh thu của Công ty đến từ việc sản xuất và kinh doanh các sản phẩm đường. Các sản phẩm của BHS đa dạng về chủng loại và đóng gói để có thể đáp ứng được các nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH SẢN PHẨM CỦA ĐƯỜNG BIÊN HÒA

| Đường que tinh luyện Biên Hòa Joy | Đường trắng Vitamin A Biên Hòa Value | Đường vàng khoáng chất Biên Hòa Pure |
|---|---|---|
|  |  |  |
| Đường nâu tự nhiên Biên Hòa Pro | Đường phèn Biên Hòa Pro | Đường tinh luyện Biên Hòa Pure |

| | | |
|---|---|---|
| | | |
| <p>Đường ăn kiêng Biên Hòa light</p> | <p>Đường làm bánh Biên Hòa Pro</p> | <p>RE đặc biệt đóng bao 50kg</p> |
| | | |
| <p>Đường hũ Biên Hòa Joy</p> | <p>Đường vuông Biên Hòa Joy</p> | <p>RS cao cấp đóng bao 50kg</p> |
| | | |

b. Doanh thu, lợi nhuận gộp qua các năm

Do kể từ ngày 01/07/2014, BHS thay đổi niên độ kế toán cho phù hợp với niên độ khai thác ngành mía đường, vì vậy năm tài chính 2014 của BHS sẽ bắt đầu từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014. Sau đó niên độ kế toán của BHS sẽ bắt đầu từ ngày 01/07 và kết thúc tại ngày 30/06 hàng năm.

- Sản lượng tiêu thụ từng nhóm sản phẩm trong niên độ 2014-2015, 2015-2016 và 03 tháng đầu niên độ 2016-2017

| Khoản mục | Niên độ 2014-2015 | | Niên độ 2015-2016 | | 01/07/2016 - 30/09/2016 | |
|-----------|-------------------|----------|-------------------|----------|-------------------------|----------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| | | | | | | |

| Khoản mục | Niên độ 2014-2015 | | Niên độ 2015-2016 | | 01/07/2016 - 30/09/2016 | |
|-----------------------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|-------------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Đường sản xuất (kg) | 175.293.123 | 81,93% | 252.940.175 | 92,07% | 47.174.583 | 95,10% |
| Đường hàng hóa (kg) | 38.658.152 | 18,07% | 21.799.766 | 7,93% | 2.432.177 | 4,90% |
| Tổng cộng đường (kg) | 213.951.275 | 100% | 274.739.941 | 100% | 49.606.760 | 100% |
| Các sản phẩm khác | | | | | | |
| Rượu (lít) | 5.961 | - | 4.240 | | | |

Nguồn: BHS

- Doanh thu thuần từng nhóm sản phẩm trong niên độ 2014-2015, 2015-2016 và 03 tháng đầu niên độ 2016-2017

Đơn vị tính: triệu đồng

| Khoản mục | Niên độ 2014-2015 | | Niên độ 2015-2016 | | 01/07/2016 - 30/09/2016 | |
|---------------------------|-------------------|-------------|-------------------|-------------|-------------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Đường sản xuất | 2.373.004 | 79,61% | 3.047.880 | 69,80% | 807.510 | 87,41% |
| Đường hàng hóa | 474.494 | 15,92% | 288.702 | 6,61% | 38.618 | 4,18% |
| Rượu sản xuất | (37) | (0%) | | | | |
| Dịch vụ và doanh thu khác | 133.308 | 4,47% | 1.029.705 | 23,58% | 77.697 | 8,41% |
| Tổng cộng | 2.980.769 | 100% | 4.366.287 | 100% | 923.825 | 100% |

Nguồn: BCKT hợp nhất niên độ 2014-2015, 2015-2016, BCTC hợp nhất quý 1 niên độ 2016-2017

- Lợi nhuận gộp niên độ 2014-2015, 2015-2016 và 03 tháng đầu niên độ 2016-2017

Đơn vị tính: triệu đồng

| Khoản mục | Niên độ 2014-2015 | | Niên độ 2015-2016 | | 01/07/2016 - 30/09/2016 | |
|----------------|-------------------|----------|-------------------|----------|-------------------------|----------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Đường sản xuất | 325.516 | 94,62% | 507.200 | 84,24% | 126.903 | 95,71% |
| Đường hàng hóa | 8.257 | 2,40% | 27.287 | 4,53% | 2.551 | 1,92% |

| Khoản mục | Niên độ 2014-2015 | | Niên độ 2015-2016 | | 01/07/2016 - 30/09/2016 | |
|---------------------------|-------------------|-------------|-------------------|-------------|-------------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Rượu sản xuất | (113) | (0,03%) | | | | |
| Dịch vụ và doanh thu khác | 10.371 | 3.01% | 67.604 | 11,23% | 3.141 | 2,37% |
| Tổng cộng | 344.031 | 100% | 602.092 | 100% | 132.595 | 100% |

Nguồn: BCKT hợp nhất niên độ 2014-2015, 2015-2016, BCTC hợp nhất quý 1 niên độ 2016-2017

7.2. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành:

a. Các dự án đầu tư trong niên độ 2015 - 2016:

| STT | Dự án | Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng) | Mục tiêu | Tình hình thực hiện | Hiệu quả thực hiện |
|-----|--|---------------------------|--|--|---|
| 1 | Lò hơi đốt than 25T/h | 34 | | Đang tiến hành nghiệm thu, thanh toán cho nhà thầu | |
| 2 | Quy hoạch khu vực đóng - lưu trữ đường túi | 13,2 | Tạo thêm 01 diện tích kho đủ lớn để chứa sản phẩm và giảm chi phí bốc xếp vận chuyển nội bộ, quy hoạch khu đóng gói sản phẩm chuyên biệt để tạo thêm thể mạnh thương hiệu. | Đang thực hiện | Dự kiến đóng gói những sản phẩm chuyên biệt |
| 3 | Hệ thống tưới phun tại Công ty TNHH MTV Hải Vi | 11,9 | Kéo dài chu kỳ lưu gốc cho mùa tơi, tăng năng suất 55 tấn/ha lên 80 tấn /ha, cung cấp sản lượng mùa giống hàng năm khoảng 8.000 tấn. | Đang trong giai đoạn chạy nghiệm thu | |

| STT | Dự án | Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng) | Mục tiêu | Tình hình thực hiện | Hiệu quả thực hiện |
|-----|---|---------------------------|---|--|---|
| 4 | Nâng cấp hạ tầng CNTT tại BHS | 2 | Quy hoạch kiến trúc CNTT theo từng phân loại. | Đã quyết toán | Hoạt động CNTT ổn định, hiệu quả làm việc cao |
| 5 | Thiết bị cơ giới hóa tại NTTL | 3,7 | Thiết bị nông nghiệp xử lý đất trồng mía. | Đã quyết toán | Xử lý đất bằng máy móc hạn chế nhân công |
| 6 | Hệ thống tưới Center pivot giai đoạn 2 tại NTTL | 21,68 | Tưới cho 308 ha mía tại NTTL. | Đang tiến hành nghiệm thu, thanh toán cho nhà thầu | Tự động tưới 308 ha mía |

b. Đầu tư tài chính:

- Đầu tư công ty con:

Đơn vị tính: triệu đồng

| Tên công ty | 30/06/2015 | | 30/06/2016 | | 30/09/2016 | |
|---|----------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|
| | Giá trị đầu tư | Tỷ lệ sở hữu | Giá trị đầu tư | Tỷ lệ sở hữu | Giá trị đầu tư | Tỷ lệ sở hữu |
| Công ty TNHH Hải Vi | 22.000 | 100% | 22.000 | 100% | - | - |
| CTCP Thương mại Xuất nhập khẩu Biên Hòa | 0 | 0% | 117.600 | 98,00% | 117.600 | 98,00% |
| Công ty TNHH MTV Biên Hòa – Ninh Hòa | 0 | 0% | 1.030.727 | 100% | 1.030.727 | 100% |
| CTCP Đường Biên Hòa Phan Rang | 0 | 0% | 84.431 | 94,51% | 84.431 | 94,51% |
| Tổng cộng | 22.000 | | 1.254.758 | | 1.232.757 | |

Nguồn: BCKT riêng niên độ 2014-2015, 2015-2016 và BCTC riêng quý I niên độ 2016-2017

Hiệu quả hoạt động của các công ty con:

Đơn vị tính: triệu đồng

| Tên công ty | 2014 -2015 (1/7/2014-30/6/2015) | | 2015-2016 (1/7/2015-30/6/2016) | | 1/7/2016-30/9/2016 | |
|---|------------------------------------|--------|-----------------------------------|--------|--------------------|--------|
| | DTT | LNST | DTT | LNST | DTT | LNST |
| CTCP Thương mại Xuất Nhập Khẩu Biên Hòa | - | - | - | 713 | 234.678 | 3.125 |
| CTCP Đường Biên Hòa Phan Rang | 251.489 | 15.536 | 266.090 | 12.020 | 93.700 | 7.598 |
| Công ty TNHH MTV Biên Hòa – Ninh Hòa (hợp nhất) | 1.314.266 | 16.043 | 1.100.497 | 86.497 | 327.287 | 31.835 |

Nguồn: BHS



Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

Đơn vị tính: triệu đồng

| Tên công ty | Năm 2014 (01/01-30/06) | | Niên độ 2014-2015 | | Niên độ 2015-2016 | |
|--------------------------------------|------------------------|---------|-------------------|--------|-------------------|---------|
| | DTT | LNST | DTT | LNST | DTT | LNST |
| Công ty TNHH MTV Biên Hòa – Ninh Hòa | 906.521 | 108.914 | 1.060.295 | 98.397 | 1.110.016 | 140.231 |

Nguồn: BHS

- Đầu tư công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào đơn vị khác

• Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Tên công ty | 30/06/2015 | | | 30/06/2016 | | | 30/09/2016 | | |
|----------|---|------------|---------------|----------------|------------|----------------|----------|------------|----------------|----------|
| | | % sở hữu | Giá gốc | Dự phòng | % sở hữu | Giá gốc | Dự phòng | % sở hữu | Giá gốc | Dự phòng |
| A | Đầu tư công ty liên doanh, liên kết | | 7.133 | 0 | | 96.108 | 0 | | 186.000 | 0 |
| 1 | Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công | 24,00% | 7.133 | 0 | 38,00% | 11.306 | 0 | 38,00% | 10.857 | 0 |
| 2 | Công ty CP Mía đường Tây Ninh | 0% | 0 | 0 | 26,49% | 84.802 | 0 | 43,20% | 175.143 | 0 |
| B | Đầu tư vào đơn vị khác | | 77.704 | -12.124 | | 192.712 | 0 | | 192.931 | 0 |
| 1 | Công ty CP Giao dịch hàng hóa Sơn Tín | 5,00% | 9.000 | -1.202 | - | - | - | 0% | 0 | 0 |
| 2 | Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai (tên cũ: CTCP Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai) | 10,37% | 58.263 | -10.922 | - | - | - | 0% | 0 | 0 |
| 3 | Công ty TNHH MTV Biên Hòa – Ninh Hòa (tên cũ: CTCP Đường Ninh Hòa) | 0,66% | 4.793 | - | - | - | - | 0% | 0 | 0 |
| 4 | Công ty CP Đường Biên Hòa – Phan Rang (tên cũ: CTCP Mía đường Phan Rang) | 6,97% | 5.649 | - | - | - | - | 0% | 0 | 0 |
| 5 | Công ty CP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh | 0% | 0 | - | 6,59% | 181.279 | - | 6,59% | 181.279 | 0 |
| 6 | Công ty TNHH MTV Hải Vị | - | - | - | - | - | - | 1,00% | 220 | |
| 7 | Công ty CP Mía đường Sơn Dương | 0% | 0 | - | 13,08% | 11.432 | - | 13,08% | 11.432 | 0 |
| | Tổng cộng | | 84.838 | -12.124 | | 288.820 | 0 | | 378.931 | 0 |

Nguồn: BCKT hợp nhất niên độ 2014-2015, 2015-2016 và BCTC hợp nhất quý I niên độ 2016-2017

7.3. Hoạt động Marketing:

a. Hoạt động nghiên cứu thị trường

Công ty triển khai hoạt động nghiên cứu thị trường dưới nhiều hình thức khác nhau, như:

- Thu thập ý kiến người tiêu dùng trong quá trình bán hàng thông qua đội ngũ nhân viên tiếp thị của Công ty và nhà phân phối, từ đó Công ty luôn nhận được những thông tin phản hồi để cải tiến sản phẩm và sản xuất những sản phẩm mới.
- Thông qua các công ty tư vấn chuyên nghiệp, Công ty tổ chức khảo sát nhu cầu thị trường, khảo sát thăm dò hiệu quả các chiến dịch quảng cáo của Công ty đối với người tiêu dùng, khảo sát cho mục đích xây dựng thương hiệu Công ty, ...
- Các hoạt động nghiên cứu thị trường đã có những tác động rất tích cực đến chiến lược sản phẩm và chiến lược kinh doanh nói chung của Công ty, góp phần không nhỏ đến sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

b. Hoạt động quảng cáo, tiếp thị và quan hệ cộng đồng (PR)

- Trong những năm trước đây nhằm phục vụ cho chiến lược phát triển sản phẩm mới, Công ty đã đầu tư để nâng cao khả năng nhận diện thương hiệu và bao bì. Với mục tiêu là tiếp tục củng cố và duy trì vị trí dẫn đầu thị trường, Công ty đã thực hiện các chiến dịch truyền thông qua các kênh: quảng cáo truyền hình, quảng cáo báo, PR, ...
- Kế hoạch marketing trong thời gian tới: Thực hiện truyền thông về đường sạch qua các hình thức Phóng sự truyền hình, PR trên báo nhằm hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm mới Đường tinh luyện Đặc Biệt Biên Hòa Pure hũ 800 g, Đường trắng cao cấp Biên Hòa Daily nói riêng và tất cả các sản phẩm của công ty nói chung; Công ty cũng đã xây dựng chương trình truyền thông cho mùa Tết 2015.
- Chính sách quảng cáo tiếp thị của Công ty được thực hiện khá nhất quán với mục tiêu vừa đảm bảo tính hiệu quả của quảng cáo, vừa giữ cho chi phí quảng cáo ở mức hợp lý để không làm tăng giá thành sản phẩm.
- Hợp tác cùng Trung tâm dinh dưỡng Tp. Hồ Chí Minh triển khai chương trình bổ sung Vitamin A cho bà mẹ và trẻ em.
- Tham gia quảng cáo, tài trợ các chương trình giải trí đang thu hút nhiều khán giả xem truyền hình theo dõi như: chương trình “Vượt lên chính mình” trên HTV7, chương trình “Âm vang tuổi trẻ” trên VTV1.
- Tham gia các hoạt động mang tính chất cộng đồng, như:
 - Hỗ trợ trẻ em nghèo vào các dịp Lễ, Tết Nguyên đán và Tết Trung thu tại các địa phương.
 - Tham gia đóng góp vào quỹ hỗ trợ nạn nhân chất độc màu da cam.

- Phụng dưỡng 19 bà mẹ Việt Nam anh hùng.
- Xây dựng nhà tình nghĩa và tình thương...

Vì những hoạt động và đóng góp tích cực này, BHS đã được phong tặng danh hiệu “Doanh nghiệp vì sự tiến bộ xã hội và phát triển bền vững”, Biểu tượng vàng Doanh nhân văn hoá năm 2006.

c. Hệ thống phân phối

Đường Biên Hòa hiện phân phối sản phẩm chủ yếu qua 2 kênh với tên gọi: B2B và B2C. Đặc điểm và cách thức tổ chức của các kênh từ năm 2012 đến nay như sau:

- *Đặc điểm kênh phân phối B2B (kênh 1):*
 - Sản phẩm tiêu thụ: Tiêu thụ đường bao RE 50kg (chủ lực), đường nhuyễn RE bao 50kg.
 - Thị trường: Tiêu thụ chủ yếu qua các Công ty trong lĩnh vực sản xuất Nước giải khát, sữa, bánh kẹo, thủy sản và có nhà máy sản xuất tập trung phần lớn tại khu vực TP.HCM, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa-Vũng Tàu, Hà Nội, Cần Thơ, Đà Nẵng. Trong đó hơn 90% là tại TP.HCM, Đồng Nai, Bình Dương.
- *Đặc điểm kênh phân phối B2C (kênh 2):*
 - **Sản phẩm tiêu thụ:** các nhãn hàng sản phẩm của công ty bao gồm:
 - Đường tinh luyện Biên Hòa Pure
 - Đường vàng khoáng chất Biên Hòa Pure
 - Đường phèn Biên Hòa Pro
 - Đường làm bánh Biên Hòa Pro
 - Đường ăn kiêng Biên Hòa Light
 - Đường bổ sung Vitamin A Biên Hòa Value
 - Đường que Biên Hòa Joy, Đường que Sticksu
 - Đường trắng cao cấp Biên Hòa Daily

Với kênh phân phối B2C, tất cả sản phẩm của BHS sẽ đến tay người tiêu dùng thông qua kênh siêu thị và kênh nhà phân phối trải dài từ Cà Mau đến Bắc Giang.

- **Đối với kênh siêu thị:** Đầu tư lực lượng Giám sát bán hàng và Nhân viên chăm sóc bán hàng tại các hệ thống siêu như BigC, Co.op, Metro, Lotte, Giant, Satra, VinMart, Aeon, Simply, Family mart, Emart, Citi mart,...
- **Đối với Nhà phân phối:**
 - + Nhà phân phối bán hàng theo đúng địa bàn và chính sách giá, khuyến

mãi do Công ty qui định.

- + Nhà phân phối không bán các sản phẩm cạnh tranh trực tiếp với sản phẩm của Công ty như các loại đường có qui cách đóng gói tương tự.
- + Nhà phân phối đầu tư nguồn lực theo đúng qui định của Công ty để đảm bảo hoạt động.
- + Nhà phân phối tổ chức giao hàng tới tận cửa hiệu trong vòng 24h và hạn chế tối thiểu việc rút đơn hàng.
- + Công ty đầu tư đội ngũ trực tiếp chào bán hàng đến các cửa hiệu theo tuyến bán hàng (MCP) gồm: mỗi Nhà phân phối/tỉnh bố trí 01 Giám sát bán hàng quản lý 4-8 Nhân viên bán hàng và mỗi khu vực bố trí một Trưởng Giám sát bán hàng quản lý từ 6-9 Giám sát bán hàng/Nhà phân phối,...



d. Chính sách giá

Công ty xây dựng một chiến lược giá cả linh hoạt trên cơ sở giá thành hợp lý, kết hợp với diễn biến giá trên thị trường để điều chỉnh chiến lược giá cho phù hợp với các yêu cầu như:

- Xây dựng chiến lược giá theo thị trường, mục tiêu kinh doanh Công ty trong từng giai đoạn.
- Xây dựng chiến lược giá hợp lý theo từng phân khúc thị trường, theo hệ thống phân phối.
- Xây dựng chiến lược giá cho sản phẩm mới để thâm nhập, mở rộng phát triển thị trường.

7.4. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền:

Nhãn hiệu hàng hóa mà Công ty đang sử dụng:







| STT | Đối tượng | Danh mục sản phẩm, dịch vụ | Số đơn/văn bằng | Thực trạng |
|-----|--|----------------------------|------------------------|---|
| 1 | Logo Bien Hoa sugar  | Nhóm 30 | IDM00024010 3 | Nhãn hiệu đã được Indonesia cấp văn bằng ngày 10/03/2010, văn bằng hết hiệu lực ngày 10/04/2018 |
| 2 | Nhãn hiệu  | Nhóm 33 | 4-1995- 26568/24740 | Đã được cấp văn bằng bảo hộ, văn bằng có hiệu lực đến ngày 16/12/2015 |





| STT | Đối tượng | Danh mục sản phẩm, dịch vụ | Số đơn/văn bằng | Thực trạng |
|-----|--|----------------------------|---------------------|--|
| 3 | Nhãn hiệu  | Nhóm 33 | 4-2000-46847/41352 | Đã được cấp văn bằng bảo hộ, văn bằng có hiệu lực đến ngày 16/6/2020 |
| 4 | Nhãn hiệu  | Nhóm 33 | 4-2000-46846/40992 | Đã được cấp văn bằng bảo hộ, văn bằng có hiệu lực đến ngày 16/6/2020 |
| 5 | Nhãn hiệu  | Nhóm 33 | 4-2000-46851/41332 | Đã được cấp văn bằng bảo hộ, văn bằng có hiệu lực đến ngày 16/6/2020 |
| 6 | Kiểu dáng công nghiệp  | Nhóm 33 | 3-2002-00079 | Văn bằng hết hiệu lực ngày 27/01/2007, gia hạn lần 1 đến 28/01/2012, lần 2 đến 28/1/2017 |
| 7 | Nhãn hiệu  | Nhóm 33 | 4-2002-00495/49556 | Văn bằng hết hiệu lực ngày 04/06/2012, gia hạn lần 1 đến 7/6/2022 |
| 8 | Nhãn hiệu BHS | Nhóm 30 | 4-2010-17310/172790 | Đã được cấp văn bằng ngày 29/09/2011, văn bằng có hiệu lực đến ngày 13/08/2020. |

| STT | Đối tượng | Danh mục sản phẩm, dịch vụ | Số đơn/văn bằng | Thực trạng |
|-----|--|----------------------------|---------------------|---|
| 9 | Nhãn hiệu TOPSUGAR | Nhóm 30 | 4-2010-17311/172791 | Đã được cấp văn bằng ngày 29/09/2011, văn bằng có hiệu lực đến ngày 16/08/2020. |
| 10 | Nhãn hiệu SUGARONE | Nhóm 30 | 4-2010-17312/172806 | Đã được cấp văn bằng ngày 29/09/2011, văn bằng có hiệu lực đến ngày 13/08/2020. |
| 11 | Nhãn hiệu SUGARA | Nhóm 30 | 4-2010-17313/172807 | Đã được cấp văn bằng ngày 29/09/2011, văn bằng có hiệu lực đến ngày 16/08/2020. |
| 12 | Nhãn hiệu  | Nhóm 30 | 4-2011-21910/196326 | Đã cấp bằng ngày 27/11/2012, văn bằng có hiệu lực đến ngày 17/10/2021 |
| 13 | Nhãn hiệu  | Nhóm 30 | 4-2011-21911/196327 | Đã cấp bằng ngày 27/11/2012, văn bằng có hiệu lực đến ngày 17/10/2021 |
| 14 | Nhãn hiệu  | Nhóm 30 | 4-2011-21912/196328 | Đã cấp bằng ngày 27/11/2012, văn bằng có hiệu lực đến ngày 17/10/2021 |
| 15 | Nhãn hiệu  | Nhóm 30 | 4-2011-21913/196329 | Đã cấp bằng ngày 27/11/2012, văn bằng có hiệu lực đến ngày 17/10/2021 |
| 16 | Nhãn hiệu  | Nhóm 30 | 4-2011-21914/196330 | Đã cấp bằng ngày 27/11/2012, văn bằng có hiệu lực đến ngày 17/10/2021 |
| 17 | Nhãn hiệu  | Nhóm 30 | 4-2011-21916/196130 | Đã cấp bằng ngày 22/11/2012, văn bằng có hiệu lực đến ngày 17/10/2021 |

| STT | Đối tượng | Danh mục sản phẩm, dịch vụ | Số đơn/văn bằng | Thực trạng |
|-----|--|----------------------------|---------------------|--|
| 18 | Nhãn hiệu  | Nhóm 30 | 4-2011-21917/198140 | Đã được cấp văn bằng ngày 05/01/2013, văn bằng có hiệu lực đến ngày 17/10/2021 |
| 19 | Nhãn hiệu  | Nhóm 30 | 4-2011-21918/198048 | Đã được cấp văn bằng ngày 05/01/2013, văn bằng có hiệu lực đến ngày 17/10/2021 |
| 20 | Nhãn hiệu  | Nhóm 30 | 4-2011-21915/201141 | Đã được cấp văn bằng ngày 04/03/2013, văn bằng có hiệu lực đến ngày 17/10/2021 |
| 21 | Kiểu dáng CN  | | 3-2011-01682 | Đã được cấp văn bằng ngày 02/05/2013, ngày hết hiệu lực 25/11/2016 |
| 22 | Nhãn hiệu  | Nhóm 30 | 4-2011-22065/205690 | Đã được cấp văn bằng ngày 15/05/2013, văn bằng có hiệu lực đến ngày 18/10/2021 |
| 23 | Nhãn hiệu  | Nhóm 30 | 4-2012-01083/214899 | Đã được cấp văn bằng ngày 08/11/2013, văn bằng có hiệu lực đến ngày 18/01/2022 |
| 24 | Nhãn hiệu  | Nhóm 30 | 4-2012-01086/214854 | Đã được cấp văn bằng ngày 07/11/2013, văn bằng có hiệu lực đến ngày 18/01/2022 |

| STT | Đối tượng | Danh mục sản phẩm, dịch vụ | Số đơn/văn bằng | Thực trạng |
|-----|--|----------------------------|---------------------|--|
| 25 | Nhãn hiệu  | Nhóm 30 | 4-2012-01081/214646 | Đã được cấp văn bằng ngày 01/11/2013, văn bằng có hiệu lực đến ngày 18/01/2022 |
| 26 | Nhãn hiệu  | Nhóm 30 | 4-2012-01085/214900 | Đã được cấp văn bằng ngày 18/11/2013, văn bằng có hiệu lực đến ngày 18/01/2022 |
| 27 | Nhãn hiệu  | Nhóm 30 | 4-2012-01082/215472 | Đã được cấp văn bằng ngày 21/11/2013, văn bằng có hiệu lực đến ngày 18/01/2022 |
| 28 | Nhãn hiệu  | Nhóm 30 | 4-2012-01084/215425 | Đã được cấp bằng ngày 20/11/2013, văn bằng có hiệu lực đến ngày 18/01/2022 |
| 29 | Nhãn hiệu ĐƯỜNG BIÊN HOÀ | Nhóm 30 | 4-2011-25247/215856 | Đã được cấp văn bằng ngày 27/11/2013, văn bằng có hiệu lực đến ngày 25-11-2021 |
| 30 | Nhãn hiệu  | Nhóm 30 | 4-2012-13923/218071 | Đã được cấp văn bằng ngày 09/01/2014, văn bằng có hiệu lực đến ngày 27-06-2022 |
| 31 | Nhãn hiệu | Nhóm 30 | 4-2012-13924/218072 | Đã được cấp văn bằng ngày 09/01/2014, văn bằng có hiệu lực đến ngày 27-06-2022 |

| STT | Đối tượng | Danh mục sản phẩm, dịch vụ | Số đơn/văn bằng | Thực trạng |
|-----|--|----------------------------|---------------------|---|
| |  | | | |
| 32 | Nhãn hiệu  | Nhóm 30 | 4-2012-13925/218073 | Đã được cấp văn bằng ngày 09/01/2014, văn bằng có hiệu lực đến ngày 27-06-2022 |
| 33 | Nhãn hiệu  | Nhóm 30 | 4-2012-13926/218074 | Đã được cấp văn bằng ngày 09/01/2014, văn bằng có hiệu lực đến ngày 27-06-2022 |
| 34 | Nhãn hiệu  | Nhóm 30 | 4-2012-13927/218075 | Đã được cấp văn bằng ngày 09/01/2014, văn bằng có hiệu lực đến ngày 27-06-2022 |
| 35 | Nhãn hiệu  | Nhóm 30 | 4-2012-13928/218076 | Đã được cấp văn bằng bảo hộ ngày 09/01/2014, văn bằng có hiệu lực đến ngày 27/06/2022 |
| 36 | Nhãn hiệu  | Nhóm 30, 33 | 4-1994-17059/14105 | Văn bằng có hiệu lực đến ngày 25/02/2024. |

| STT | Đối tượng | Danh mục sản phẩm, dịch vụ | Số đơn/văn bằng | Thực trạng |
|-----|--|----------------------------|---------------------|---|
| 37 | Nhãn hiệu  | | 4-2008-07339/130712 | Đã được cấp văn bằng bảo hộ ngày 30/07/2009. Văn bằng có hiệu lực đến ngày 08/04/2018 |
| 38 | Quyền tác giả "Hình thức thể hiện trên bao gói đường tinh luyện Đường Biên Hòa"  | Mỹ thuật ứng dụng | Số 994/2008/QTG | Đã được cấp văn bằng ngày 22/04/2008, văn bằng có hiệu lực 70 năm kể từ ngày công bố. |
| 39 | Nhãn hiệu SLIMSU | Nhóm 30 | 4-2013-05308/236058 | Đã được cấp văn bằng bảo hộ, hiệu lực đến ngày 22/03/2023 |
| 40 | Nhãn hiệu STICKSU | Nhóm 30 | 4-2013-05309/235998 | Đã được cấp văn bằng bảo hộ, hiệu lực đến ngày 22/03/2023 |
| 41 | Nhãn hiệu  | Nhóm 30 | 4-2012-26419/224045 | Đã được cấp văn bằng bảo hộ, hiệu lực đến ngày 22/11/2020 |
| 42 | Nhãn hiệu  | Nhóm 30 | 4-2012-26418/224044 | Đã được cấp văn bằng bảo hộ, hiệu lực đến ngày 22/11/2020 |

Nguồn: BHS

7.5. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết:

Một số hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết trong năm tài chính 2015 – 2016

| STT | Ngày ký hợp đồng | Tên đối tác | Nội dung | Giá trị hợp đồng (tr.đ) | Tình hình thực hiện |
|-----|------------------|-------------------------------------|--|-------------------------|---------------------|
| 1 | 27/11/2015 | CTCP MD Thành Thành Công Tây Ninh | Mua đường thô Thái Lan | 372.000 | Đã thanh lý |
| 2 | 30/7/2015 | CTCP TM Thành Thành Công | Mua đường Vàng Vạn Phát | 88.166 | Đã thanh lý |
| 3 | 21/12/2015 | Công ty Đường Phan Rang | Mua đường thô | 99.890 | Đã thanh lý |
| 4 | 19/11/2015 | Công ty Đường Ninh Hòa | Mua đường thành phẩm | 667.223 | Đang thực hiện |
| 5 | 12//12/2015 | Công ty TNHH MTV TM-DV Minh Khuê | Mua than cám | 35.475 | Đang thực hiện |
| 6 | 09/01/2016 | CTCP SX –TM Bao bì Thành Thành Công | Mua bao PP50kg có cả bao PE lồng trong | 6.387 | Đang thực hiện |

Nguồn: BHS

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất:

Do kể từ ngày 01/07/2014, BHS thay đổi niên độ kế toán cho phù hợp với niên độ khai thác ngành mía đường, vì vậy năm tài chính 2014 của BHS sẽ bắt đầu từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014. Sau đó niên độ kế toán của BHS sẽ bắt đầu từ ngày 01/07 và kết thúc tại ngày 30/06 hàng năm.

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong niên độ 2014 – 2015, 2015-2016 và quý 1 niên độ 2016-2017:

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Niên độ 2014-2015 | Niên độ 2015-2016 | % thay đổi | Quý 1 niên độ 2016-2017 |
|-----------------------------------|-------------------|-------------------|------------|-------------------------|
| Tổng tài sản | 2.429.595 | 5.972.988 | 145,84% | 5.700.356 |
| Doanh thu thuần | 2.974.812 | 4.366.287 | 46,78% | 923.825 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 123.385 | 290.758 | 135,65% | 46.483 |
| Lợi nhuận khác | 3.377 | 5.330 | 57,83% | 239 |
| Lợi nhuận trước thuế hợp nhất | 126.765 | 296.087 | 133,59% | 46.722 |
| Lợi nhuận sau thuế hợp nhất | 98.952 | 248.300 | 150,93% | 40.826 |
| Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ | 98.952 | 247.928 | 150,55% | 40.487 |
| Tỷ lệ cổ tức trên mệnh giá | 5% | 0% | - | - |

Nguồn: BCKT hợp nhất niên độ 2014-2015, 2015-2016, BCTC quý 1 niên độ 2016-2017

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm tài chính 2015 – 2016:

a. Thuận lợi:

- Các nhà máy của công ty đã hoàn thành đầu tư nâng công suất và chất lượng sản phẩm, góp phần làm tăng khả năng cạnh tranh.
- Chất lượng sản phẩm được duy trì cùng thương hiệu lâu đời có tính nhận biết cao, giúp BHS thuận lợi hơn trong việc gia tăng thị phần, nâng cao vị thế cạnh tranh và tăng trưởng bền vững.
- Sức mạnh từ truyền thống văn hoá công ty vẫn được giữ vững.
- Trong năm 2015, số lượng đường nhập lậu giảm, tồn kho đường giảm giúp giá đường lên cao hơn so với mặt bằng những năm trước, điều này giúp cho hoạt động bán lẻ của BHS được thuận lợi hơn.
- Trong vụ 2014-2015, tác động mạnh mẽ của hiện tượng El Nino khiến sản lượng đường trên thế giới sụt giảm mạnh, khiến cho đa giảm của giá đường chững lại và có xu hướng tăng nhẹ. Yếu tố này đã góp phần tác động tích cực lên giá đường trong nước.
- Việc sáp nhập CTCP Đường Ninh Hòa và gia tăng tỷ lệ sở hữu tại CTCP Đường Biên Hòa – Phan Rang trong năm tài chính 2015-2016 đã giúp cho Đường Biên Hòa nhanh chóng nâng cao năng lực sản xuất, mở rộng vùng nguyên liệu và chủ động hơn nữa trong việc kiểm soát nguồn nguyên liệu đầu vào, các yếu tố đó là cơ sở cần thiết để BHS phát triển bứt phá hơn trong giai đoạn sắp tới.

b. Khó khăn:

- Diện tích đầu tư sản xuất mía nguyên liệu tiếp tục giảm mặc dù tổng mức vốn đầu tư cho nông nghiệp tăng đáng kể.
- Tuy Nhà nước đã có một số Nghị quyết, chính sách có liên quan đến việc định hướng và giải pháp phát triển ngành mía - đường, nhưng khi triển khai thực hiện chưa có sự chỉ đạo kiên quyết, triệt để và đồng bộ giữa Trung ương và địa phương. Vì vậy, cho đến nay nhiều địa phương vẫn chưa quan tâm hỗ trợ công tác giống, thủy lợi,... cho vùng chuyên canh mía.
- Cây mía chưa thể cạnh tranh với một số cây trồng khác như cao su, mì, cà phê,...
- Riêng ngành sản xuất mía - đường áp lực cạnh tranh từ nguồn đường nhập lậu giá rẻ vẫn chưa có hướng giải quyết nên công ty cũng bị ảnh hưởng trước tình hình đó.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành:

Tổng kết niên vụ 2015-2016, tổng sản lượng tiêu thụ đường của BHS và các công ty con là 274.983 tấn, bao gồm cả đường thô. Sản phẩm chủ lực của Công ty hiện nay là đường tinh luyện. Mức độ cạnh tranh hiện tại trong phân khúc đường tinh luyện không gay gắt vì rào cản kỹ thuật khá cao (việc sản xuất đòi hỏi qua nhiều công đoạn, đầu tư máy móc, thiết bị đặc thù,...). Trong niên vụ 2015-2016, toàn hệ thống BHS đã sản xuất được 227.639 tấn đường tinh luyện, chiếm 32,52% tổng sản lượng đường tinh luyện cả nước (Theo thống kê của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn tổng sản lượng đường tinh luyện cả nước vụ 2015-2016 là 700.000 tấn). Các công ty cạnh tranh chính của BHS trong mảng đường tinh luyện: Công ty cổ phần Thành Thành Công Tây Ninh (SBT), Công ty cổ phần Mía Đường Lam Sơn (LSS), Công ty cổ phần NIVL, Công ty TNHH Công Nghiệp KCP Việt Nam (1 công ty 100% vốn đầu tư của Ấn Độ, nhà máy đặt tại Phú Yên, công suất 5.000 tấn mía ngày).

BHS là doanh nghiệp mía đường duy nhất ở Việt Nam sở hữu dây chuyền tinh luyện đường của Nhật Bản. Công ty có khả năng sản xuất nhiều loại mật hàng đường khác nhau theo thị hiếu khách hàng như đường tinh luyện RE cho khách hàng công nghiệp, đường trắng, đường phèn, đường bổ sung Vitamin cho khách hàng cá nhân. Sản phẩm Đường tinh luyện của BHS được đánh giá cao về chất lượng nên vị trí và thị phần của BHS trong ngành đường ngày càng được củng cố.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành:

Hiện tại ngành mía đường Việt Nam đang phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, cũng như các thách thức lớn trong quá trình hội nhập của đất nước. Tuy nhiên, vẫn có những điểm sáng và cơ hội cho các công ty trong ngành khai thác và nắm bắt để vươn lên. Những khó khăn, thách thức và các cơ hội có thể kể đến như sau:

- **Ảnh hưởng từ hiện tượng El Nino làm nguồn cung sụt giảm:** Theo thống kê của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn trong Tài liệu Hội nghị Tổng kết vụ sản xuất Mía đường 2015-2016, tổng sản lượng đường cả nước là 1.237.310 tấn, giảm 180.500 tấn (12,73%) so với vụ trước, đây là năm thứ hai liên tiếp sản lượng đường sụt giảm. Diện tích mía cả nước vụ ép 2015-2016 đạt hơn 284.367 ha, năng suất bình quân cả nước đạt 64,4 tấn/ha, sản lượng mía cả nước đạt 18,3 triệu tấn, so với vụ ép trước, diện tích mía giảm 6,7%, sản lượng mía ép giảm 8%. Chất lượng mía nguyên liệu cũng sụt giảm, chỉ đường bình quân của mía đưa vào nhà máy chế biến của cả nước ở mức trên 9,64 CCS, thấp hơn vụ trước gần 0,56 CCS. Nguyên nhân chính của sự sụt giảm này là do biến đổi khí hậu từ ảnh hưởng nặng nề của hiện tượng El Nino, dẫn đến hạn hán kéo dài trên diện rộng, đặc biệt là ở miền Trung, và hiện tượng nhiễm mặn ở miền Nam. Tác động từ hiện tượng El Nino là 1 trong những nguyên nhân quan trọng khiến cho sự chênh lệch cung cầu của ngành đường tại Việt Nam nói riêng, và trên thế giới nói chung, chuyển đổi xu hướng từ thặng dư sang thiếu hụt. Sự thiếu hụt này dự kiến sẽ còn kéo dài sang vụ 2016-2017.
- **Sự cạnh tranh không lành mạnh của đường nhập lậu:** theo thống kê của Tổ chức

Đường thế giới (ISO) cho thấy lượng đường nhập lậu từ Thái Lan vào nước ta rất lớn với khoảng 400.000-500.000 tấn/năm. Mặc dù những năm gần đây các cơ quan chức năng đã rất nỗ lực trong việc triệt tiêu các đường dây buôn lậu đường, tuy nhiên do giá đường tiểu ngạch và giá đường trong nước luôn chênh lệch khá lớn, khoảng 40%, vì thế áp lực cạnh tranh từ đường nhập lậu là rất gay gắt và không thể loại bỏ hoàn toàn.

- **Giá thành sản xuất cao do giá mía nguyên liệu cao:** Tỷ trọng chi phí mía nguyên liệu trong giá thành đường chiếm khoảng 75%-80%, trong khi đó giá mía của Việt Nam luôn cao hơn giá mía của các nước trong khu vực và trên thế giới (giá mía Việt Nam khoảng 45-50 USD/tấn, còn Thái Lan chỉ khoảng 30-35 USD/tấn), điều đó là nguyên nhân chính khiến cho giá thành đường của Việt Nam kém cạnh tranh hơn nhiều so với các nước trong khu vực và thế giới.
- **Áp lực từ hội nhập:** hiện nay Việt Nam đã hoàn tất đàm phán 12 hiệp định thương mại tự do (FTA). Trong số đó, 8 FTA đã có hiệu lực và đang thực thi. Các FTA thế hệ mới đã kết thúc đàm phán gồm FTA Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) và Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Trong thời gian tới sẽ còn nhiều hiệp định được ký kết. Các hiệp định này mở ra nhiều cơ hội cho hàng hóa thâm nhập mạnh mẽ hơn vào các thị trường mới, đồng thời đó cũng là thách thức lớn đối với một số ngành còn yếu của Việt Nam như ngành đường. Theo Hiệp định Tự do Thương mại ASEAN (AFTA), năm 2018 ngành đường Việt Nam sẽ phải mở cửa hoàn toàn cho đường của các nước ASEAN vào. Điều này đồng nghĩa đường nhập khẩu từ ASEAN vào Việt Nam sẽ chỉ ở mức thuế 5% và không phải chịu hạn ngạch thuế quan. Khi đó đường Thái Lan – nước xuất khẩu đường lớn thứ 2 thế giới – có thể chính thức vào Việt Nam với số lượng không bị hạn chế ở mức thuế suất thấp.
- **Cơ hội từ hội nhập:** việc Việt Nam gia nhập TPP giúp Việt Nam có cơ hội tiếp cận nguồn cầu lớn từ các nước trong khối như Mỹ, Malaysia, Nhật Bản, Canada... Vấn đề quan trọng là để tiếp cận được các thị trường này, các doanh nghiệp đường trong nước phải có chính sách đầu tư khoa học và hợp lý, có biện pháp hiệu quả để nâng chất lượng nguồn nguyên liệu, giảm giá thành sản phẩm và đảm bảo chất lượng sản phẩm có thể đáp ứng được tiêu chuẩn cao cấp của các nước phát triển trong khối TPP.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới:

Trên cơ sở đánh giá đầy đủ năng lực, điều kiện của Công ty, đặc điểm tình hình có liên quan đến lĩnh vực hoạt động, những cơ hội và thách thức, dự kiến những mục tiêu và định hướng phát triển cơ bản của BHS trong thời gian tới như sau:

Các mục tiêu chủ yếu:

- Tập trung nguồn lực vào lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất và kinh doanh đường.

- Đầu tư mở rộng để khai thác thêm các sản phẩm thuộc chuỗi giá trị ngành đường như các sản phẩm cạnh đường, sản phẩm sau đường và các sản phẩm mới như đường vi chất, đường vàng nguyên chất,...

Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Định hướng chiến lược đến năm 2020

- Tập trung đầu tư phát triển vùng nguyên liệu để đảm bảo sự phát triển bền vững và lâu dài. Việc chủ động được nguyên liệu là yếu tố quan trọng giúp cho Nhà máy đường phát triển và tăng lợi thế cạnh tranh. Vì vậy, Công ty đã phối hợp với Nhà máy đường Thành Thành Công Tây Ninh thực hiện chuyển giao vùng nguyên liệu theo quy hoạch phù hợp với 2 bên trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích cho nông dân và giảm chi phí vận chuyển cho 2 nhà máy, từ đó góp phần gia tăng hiệu quả hoạt động cho Công ty.
- Tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực của hệ thống phân phối, khai thác và phát huy tối đa thế mạnh của thương hiệu đường Biên Hòa.
- Tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu.
- Tập trung nghiên cứu sản phẩm mới.

10. Chính sách đối với người lao động:

10.1. Số lượng và cơ cấu người lao động trong Công ty:

Số lao động làm việc tại Công ty vào thời điểm 30/06/2016 là 1.082 người, với cơ cấu lao động phân theo trình độ và theo hợp đồng lao động như sau:

| Tiêu chí | Số lượng | Tỷ trọng |
|--|--------------|-------------|
| I. Phân theo trình độ | 1.082 | 100% |
| Đại học, cao đẳng trở lên | 371 | 34% |
| Trung học cơ sở | 316 | 29% |
| Công nhân kỹ thuật và trình độ khác | 395 | 37% |
| II. Phân theo Hợp đồng lao động | 1.082 | 100% |
| Hợp đồng lao động có thời hạn | 974 | 90% |
| Hợp đồng lao động thời vụ | 108 | 10% |
| Tổng cộng | 1.082 | 100% |

Nguồn: BHS

10.2. Chính sách đối với người lao động:

a. Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Bộ phận gián tiếp làm việc theo giờ hành chính, bộ phận sản xuất trực tiếp làm việc theo ca. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm

bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Nhân viên được nghỉ lễ và Tết 9 ngày theo quy định của Bộ Luật Lao động và được hưởng nguyên lương và bảo hiểm xã hội. Những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên lại được cộng thêm 01 ngày phép.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương và bảo hiểm xã hội. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm các tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

Chính sách thu hút nhân tài: Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hệ thống quản lý chất lượng. Việc đào tạo được tiến hành nội bộ và đào tạo bên ngoài. Các chương trình đào tạo chú trọng vào nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên về an toàn lao động và an toàn vệ sinh thực phẩm, ISO,... từ đó nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm đầu ra. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ cũng được chú trọng về chiều sâu.

c. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của

từng người. Cán bộ công nhân viên thuộc khối văn phòng và gián tiếp được hưởng lương thời gian, công nhân sản xuất trực tiếp được hưởng lương theo sản phẩm, hệ số lương được xét dựa theo cấp bậc và tay nghề.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên: Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động khá hiệu quả, các phong trào thể dục thể thao, văn nghệ của công nhân viên diễn ra hàng năm rất sôi nổi, tạo điều kiện cho công nhân viên Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khỏe. Ngoài ra hàng năm cán bộ công nhân viên Công ty còn được tổ chức đi nghỉ mát theo chế độ.

Chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên: Nhằm tạo sự gắn bó lâu dài của nhân viên với Công ty và tạo động lực khuyến khích cho cán bộ công nhân viên làm việc, Công ty thực hiện chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên dưới hai hình thức: thưởng cổ phiếu và bán cổ phiếu với giá ưu đãi so với giá thị trường.

11. Chính sách cổ tức:

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Cổ đông sẽ được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHĐCĐ.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Tình hình chi trả cổ tức của BHS những năm gần đây như sau:

- Năm 2013 (01/01/2013 - 31/12/2013): 1.000 đồng/cổ phiếu
- Năm 2014 (01/01/2014 - 30/06/2014): 500 đồng/cổ phiếu
- Niên độ 2014-2015(01/07/2014 - 30/06/2015): 500 đồng/cổ phiếu
- Niên độ 2015-2016 (01/07/2015 - 30/06/2016): 0 đồng.
- Niên độ 2016-2017 (01/07/2016 - 20/06/2017): dự kiến 6-10% trên vốn điều lệ.

12. Tình hình tài chính:

12.1. Lưu ý về sự thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

a. Thay đổi niên độ kế toán:

Kể từ ngày 01/07/2014, BHS thay đổi niên độ kế toán cho phù hợp với niên độ khai thác ngành mía đường, vì vậy năm tài chính 2014 của BHS sẽ bắt đầu từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014. Sau đó niên độ kế toán của BHS sẽ bắt đầu từ ngày 01/07 và kết thúc tại ngày 30/06 hàng năm.

b. Thay đổi chế độ kế toán và phương pháp lập, trình bày BCTC:

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2015.

Cùng ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”) thay thế phần XIII – Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2015.

Kể từ ngày 01/07/2015, CTCP Đường Biên Hòa và các công ty con đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số khoản mục kế toán tại thời điểm 30/06/2015 trên BCTC kiểm toán hợp nhất niên độ 2014-2015 được phân loại lại trên các BCTC hợp nhất của niên độ 2015-2016 như sau:

- Ảnh hưởng đối với Bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: triệu đồng

| Bảng cân đối kế toán hợp nhất | 30/06/2015 Đã được trình bày trước đây | 30/06/2015 Được phân loại lại |
|---------------------------------|--|----------------------------------|
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 82.921.461.456 | 5.000.000.000 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | - | 77.921.461.456 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 10.799.273.958 | 13.791.619.557 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 5.564.692.622 | - |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | - | 2.572.347.023 |
| Trả trước cho người bán dài hạn | - | 17.648.398.812 |
| Phải thu dài hạn khác | 17.648.398.812 | - |
| Quỹ dự phòng tài chính | 35.198.110.466 | - |
| Quỹ đầu tư phát triển | 109.299.828.194 | 144.497.938.660 |

Nguồn: BCKT hợp nhất niên độ 2015-2016 của BHS

- Ảnh hưởng đối với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

| Bảng cân đối kế toán hợp nhất | 01/07/2014 – 30/06/2015 Đã được trình bày trước đây | 01/07/2014 – 30/06/2015 Được phân loại lại |
|--|--|---|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 2.988.892.945.642 | 2.988.769.083.174 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 14.081.200.740 | 13.957.338.272 |
| Thu nhập khác | 8.280.086.941 | 4.024.794.657 |
| Chi phí khác | 4.902.662.284 | 647.370.000 |

Nguồn: BCKT hợp nhất niên độ 2015-2016 của BHS

Do Thông tư 200 và Thông tư 202 đều không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi phát sinh từ việc áp dụng các thông tư này nên các số liệu tài chính tại thời điểm 30/06/2014 và 30/06/2015 được thể hiện trong bản cáo bạch này vẫn được ghi nhận theo số liệu trên Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2014 (01/01/2014 - 30/06/2014) và niên độ 2014-2015.

12.2. Các chỉ tiêu cơ bản:

- Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu | 30/06/2015 | 30/06/2016 | 30/09/2016 |
|-----------------------------------|------------------|------------------|------------------|
| Vốn điều lệ | 629.949 | 1.295.112 | 1.295.112 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 39.817 | 461.713 | 449.547 |
| Cổ phiếu quỹ | 0 | 0 | 0 |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 0 | 337 | 337 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 109.300 | 164.947 | 164.947 |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 0 | 0 | 18.616 |
| Quỹ dự phòng tài chính | 35.198 | 0 | 0 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 99.427 | 209.744 | 248.230 |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 0 | 8.372 | 8.712 |
| Nợ phải trả | 1.515.903 | 3.832.764 | 3.514.855 |
| Tổng nguồn vốn | 2.429.595 | 5.972.988 | 5.700.356 |

Nguồn: BCKT hợp nhất niên độ 2014-2015, 2015-2016, BCTC hợp nhất quý 1 niên độ 2016-2017

- Trích khấu hao tài sản cố định:

Công ty áp dụng trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 06 – 25 năm
- Máy móc và thiết bị: 07 – 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 03 – 10 năm
- Phương tiện vận chuyển: 06 – 10 năm

- **Mức lương bình quân:**

Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty niên độ 2015 – 2016 là 8.500.000 đồng/người/tháng. Đây là mức lương khá cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành và trên cùng khu vực kinh doanh của Công ty.

- **Thanh toán các khoản nợ đến hạn:**

Công ty thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán hợp nhất niên độ 2014-2015, 2015-2016, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

- **Trích lập các quỹ:**

Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của BHS và các văn bản pháp luật hiện hành.

Số dư các quỹ như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu | 30/06/2015 | 30/06/2016 | 30/09/2016 |
|--------------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 109.300 | 164.947 | 164.947 |
| Quỹ dự phòng tài chính | 35.198 | 0 | 0 |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 0 | 0 | 18.616 |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi | 5.996 | 33.706 | 30.733 |
| Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 0 | 1.000 | 1.000 |
| Tổng cộng | 150.494 | 199.653 | 215.296 |

Nguồn: BCKT hợp nhất niên độ 2014-2015, 2015-2016, BCTC hợp nhất quý 1 niên độ 2016-2017

- **Các khoản phải nộp theo luật định:**

Tính đến thời điểm 30/09/2016, Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế giá trị gia tăng (VAT), thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác theo quy định của Nhà nước.

- **Tổng dư nợ vay:**

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu | 30/06/2015 | 30/06/2016 | 30/09/2016 |
|-----------------------------------|------------------|------------------|------------------|
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 1.111.333 | 2.524.684 | 2.509.735 |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 67.041 | 635.913 | 657.401 |
| Tổng cộng | 1.178.375 | 3.160.597 | 3.167.136 |

Nguồn: BCKT hợp nhất niên độ 2014-2015, 2015-2016, BCTC hợp nhất quý 1 niên độ 2016-2017

- Tình hình công nợ hiện nay:

- Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu | 30/06/2015 | 30/06/2016 | 30/09/2016 |
|-------------------------------------|----------------|------------------|------------------|
| Phải thu ngắn hạn | 855.773 | 1.622.612 | 1.840.260 |
| Phải thu của khách hàng | 397.189 | 532.514 | 421.983 |
| Trả trước cho người bán | 377.346 | 500.867 | 593.514 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 77.921 | 425.300 | 415.100 |
| Các khoản phải thu khác | 13.792 | 182.270 | 428.878 |
| Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | -13.047 | -18.340 | -19.242 |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 2.572 | - | - |
| Phải thu dài hạn | 17.658 | 191.702 | 158.637 |
| Trả trước cho người bán dài hạn | 17.648 | 19.747 | 26.228 |
| Phải thu về cho vay dài hạn | 0 | 165.000 | 125.000 |
| Phải thu dài hạn khác | 10 | 6.954 | 7.409 |
| Tổng cộng | 873.431 | 1.814.314 | 1.998.897 |

Nguồn: BCKT hợp nhất niên độ 2014-2015, 2015-2016, BCTC hợp nhất quý 1 niên độ 2016-2017

Nguyên nhân phát sinh khoản Dự phòng các khoản phải thu khó đòi là do: Công ty đầu tư cho người nông dân trồng mía vào đầu mùa vụ, đến cuối mùa vụ người dân sẽ bán mía và sẽ hoàn trả lại khoản tiền đầu tư ban đầu cho Công ty. Tuy nhiên, vào cuối mùa vụ, có một số hộ dân trồng mía năng suất mía thấp vì các trường hợp bất khả kháng (bão, lũ lụt,...) dẫn đến người dân gặp khó khăn về tài chính và không thanh toán nợ đúng hạn cho Công ty. Công ty tiếp tục theo dõi và sẽ thu của người dân trồng mía trong các niên vụ mía tiếp theo.

- Các khoản phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu | 30/06/2015 | 30/06/2016 | 30/09/2016 |
|-------------------------------------|------------------|------------------|------------------|
| Nợ ngắn hạn | 1.448.330 | 3.192.389 | 2.852.993 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 111.841 | 375.920 | 99.970 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 47.582 | 74.418 | 15.550 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 20.239 | 14.182 | 11.810 |
| Phải trả người lao động | 21.615 | 42.242 | 23.599 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 83.407 | 43.314 | 103.653 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 46.316 | 83.924 | 57.941 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 1.111.333 | 2.524.684 | 2.509.735 |

| Chỉ tiêu | 30/06/2015 | 30/06/2016 | 30/09/2016 |
|--------------------------------------|------------------|------------------|------------------|
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 5.996 | 33.706 | 30.733 |
| Nợ dài hạn | 67.574 | 640.375 | 661.862 |
| Phải trả dài hạn khác | 533 | 109 | 109 |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 67.041 | 635.913 | 657.401 |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 0 | 3.352 | 3.352 |
| Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 0 | 1.000 | 1.000 |
| Tổng cộng | 1.515.903 | 3.832.764 | 3.514.855 |

Nguồn: BCKT hợp nhất niên độ 2014-2015, 2015-2016, BCTC hợp nhất quý 1 niên độ 2016-2017

12.3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | Dvt | Niên độ 2014-2015 (01/07/2014 - 30/06/2015) | Niên độ 2015-2016 (01/07/2015 - 30/06/2016) | Quý 1 - Niên độ 2015-2016 (01/07/2016 - 30/09/2016) |
|---|-----------|--|--|--|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn | lần | 1,12 | 1,17 | 1,20 |
| - Hệ số thanh toán nhanh | lần | 0,63 | 0,73 | 0,78 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| - Hệ số Nợ/Tổng tài sản | lần | 62,39% | 64,17% | 61,66% |
| - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | lần | 165,91% | 179,08% | 160,83% |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | |
| - Vòng quay hàng tồn kho | vòng | 3,74 | 2,67 | 0,65 |
| - Doanh thu thuần/Tổng tài sản | vòng | 1,22 | 0,73 | 0,16 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | | |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS) | | 3,33% | 5,69% | 4,42% |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) | % | 10,83% | 11,58% | 1,87% |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) | % | 4,07% | 4,16% | 0,72% |
| - Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 4,15% | 6,66% | 5,03% |
| - Thu nhập trên cổ phần (EPS) | (đồng/cp) | 1.571 | 1.917 | 315 |

Nguồn: BCKT hợp nhất niên độ 2014-2015, 2015-2016, BCTC hợp nhất quý 1 niên độ 2016-2017

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|------------|--------------------------|------------------------------------|
| I | Hội đồng quản trị | |
| 1 | Nguyễn Thị Hoa | Chủ tịch HĐQT |
| 2 | Trần Quế Trang | Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc |
| 3 | Henry Chung | Thành viên HĐQT không điều hành |
| 4 | Võ Tông Xuân | Thành viên HĐQT không điều hành |
| 5 | Lê Quang Hải | Thành viên HĐQT không điều hành |
| II | Ban kiểm soát | |
| 1 | Lê Văn Hòa | Trưởng Ban Kiểm soát |
| 2 | Nguyễn Thùy Vân | Thành viên Ban Kiểm soát |
| 3 | Lưu Đặng Mỹ Quỳnh | Thành viên Ban Kiểm soát |
| III | Ban Tổng giám đốc | |
| 1 | Trần Quế Trang | Tổng Giám đốc |
| 2 | Nguyễn Thành Khiêm | Phó Tổng Giám đốc |
| 3 | Trần Quốc Thảo | Phó Tổng Giám đốc |
| IV | Kế toán trưởng | |
| 1 | Nguyễn Minh Tín | Kế toán trưởng |

13.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

a. Chủ tịch HĐQT:

Bà Nguyễn Thị Hoa: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa.

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Hoa**
- Giới tính: **Nữ**
- Ngày/tháng/năm sinh: **1964**
- Nơi sinh: **Diên Khánh, Khánh Hòa**
- Quê quán: **Diên Khánh, Khánh Hòa**
- CMND: **220760941, ngày cấp 01/6/2005, nơi cấp CA Khánh Hòa**
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Dân tộc: **Kinh**
- Địa chỉ thường trú: **5A Trần Khánh Dư, TP.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa**
- Điện thoại cơ quan: **(061) 3 836 199**
- Trình độ văn hoá: **12/12**
- Trình độ chuyên môn: **Đại học**
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|--------------------|---|
| Từ 10/2014 đến nay | Công tác tại CTCP Đường Biên Hòa |
| Từ 04/2015 đến nay | Thành viên HĐQT tại CTCP Nghiên cứu ứng dụng mía đường Thành Thành Công |
| Từ 04/2006 - nay | Công tác tại Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa (Tên cũ: CTCP Đường Ninh Hòa) |
| Từ 2001 – 2005 | Công tác tại CTCP Bê tông Ly tâm Nha Trang |
| Từ 1990 – 2000 | Công tác tại Công ty Đường Khánh Hòa |
| Từ 1987 – 1989 | Công tác tại văn phòng UBND huyện Diên Khánh |

- Chức vụ hiện nay tại BHS: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
 - + Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa;
 - + Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Nghiên cứu Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (25/07/2016): 500.496 cổ phần, chiếm 0,39% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 500.496 cổ phần, chiếm 0,39% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (25/07/2016) của những người có liên quan: 0 cổ phần.
- Các khoản nợ đối với Công ty : không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có

b. Thành viên HĐQT:

Bà Trần Quế Trang: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa.

- Họ và tên: Trần Quế Trang
- Giới tính: Nữ
- Ngày/tháng/năm sinh: 08/08/1980
- Nơi sinh: Bạc Liêu
- Quê quán: Bạc Liêu
- CMND: 025658777, ngày cấp 31/10/2012, nơi cấp CA Tp.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 173 Thái Phiên, Phường 9, Quận 11, Tp.HCM

- Điện thoại cơ quan: (061) 3 836 199
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|---------------------------|---|
| Từ 26/6/2015 đến nay | Thành viên HĐQT CTCP Đường Biên Hòa |
| Từ 2/2016 đến nay | Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Tây Ninh |
| Từ 6/2015 đến nay | Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa (Tên cũ: CTCP Đường Ninh Hòa) |
| Từ 19/06/2015 đến 12/2015 | Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Đường Ninh Hòa |
| Từ 06/3/2015 đến nay | Tổng giám đốc CTCP Đường Biên Hòa; |
| Từ 11/2013 đến 05/03/2015 | Phó Tổng giám đốc CTCP Đường Biên Hòa; |
| Từ 8/2010 đến 10/2013 | Phó Tổng giám đốc CTCP Đầu tư Thành Thành Công; |
| Từ 2005 đến 2010 | Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam VIBank; |
| Từ 2003 đến 2005 | Trưởng phòng Hành chính tại Công ty TNHH Cơ điện Đại Cát; |
| Từ 2002 đến 2003 | Trình dược viên tại Công ty TNHH Mega We Care Việt Nam. |

- Chức vụ hiện nay tại BHS: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
 - + Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Tây Ninh
 - + Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (25/07/2016): 522.400 cổ phần, chiếm 0,40% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 522.400 cổ phần, chiếm 0,40% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (25/07/2016) của những người có liên quan: 0 cổ phần.
- Các khoản nợ đối với Công ty : không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có

c. Thành viên HĐQT:

Ông **Henry Chung**: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường Biên

Hòa.

- Họ và tên : Henry Chung
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 15/10/1974
- Nơi sinh : Thành phố Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Mỹ
- Số CMND : F1624579
- Cấp ngày : 12/08/2015
- Nơi cấp : California
- Địa chỉ thường trú : 1608 Tyler Dr, Fullerton, CA 92835
- Số ĐT liên lạc : (061) 3 836 199
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|--------------------|-------------------------------------|
| Từ 12/2015 đến nay | Thành viên HĐQT CTCP Đường Biên Hòa |

- Chức vụ hiện nay tại BHS: Thành viên Hội đồng quản trị.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (25/07/2016): 159.900 cổ phần, chiếm 0,12% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 159.900 cổ phần, chiếm 0,12% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (25/07/2016) của những người có liên quan: 0 cổ phần.
- Các khoản nợ đối với Công ty : không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có

d. Thành viên HĐQT:

Ông Võ Tông Xuân: Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Đường Biên Hòa.

- Họ và tên : Võ Tông Xuân
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 6/9/1940
- Nơi sinh : An Giang
- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh
- Số CMND/Hộ chiếu : 360018348
- Cấp ngày : 10/12/2009
- Nơi cấp : Công an Cần Thơ
- Địa chỉ thường trú : Số 6, Phan Văn Trị, TP.Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ
- Số ĐT liên lạc : (061) 3 836 199
- Trình độ văn hóa : Tú Tài kỹ thuật
- Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ nông học
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|--------------------|---|
| Từ 12/2015 đến nay | Thành viên HĐQT CTCP Đường Biên Hòa |
| Từ 10/2013 đến nay | Quyền Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ |
| Từ 4/2015 đến nay | Chủ tịch HĐQT tại CTCP Nghiên cứu ứng dụng mía đường Thành Thành Công |
| Từ 2010 – 12/2015 | Cố vấn nông nghiệp, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh. |
| Từ 2010 – 2013 | Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Tạo |
| Từ 2000 – 2008 | Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang |
| Từ 1971 – 1999 | Trưởng bộ môn, Phó trưởng khoa Nông nghiệp, Hiệu phó Trường Đại học Cần Thơ |

- Chức vụ hiện nay tại BHS: Thành viên Hội đồng quản trị.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT tại CTCP Nghiên cứu ứng dụng mía đường Thành Thành Công.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (25/07/2016): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (25/07/2016) của những người có liên quan: 0 cổ phần.
- Các khoản nợ đối với Công ty : không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có

e. Thành viên HĐQT:

Ông Lê Quang Hải: Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Đường Biên Hòa.

- Họ và tên : Lê Quang Hải
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 12/4/1964
- Nơi sinh : Thừa Thiên Huế
- Quê quán : Thừa Thiên Huế

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND/Hộ chiếu : 271751263
- Cấp ngày : 12/04/2002
- Nơi cấp : Công an Đồng Nai
- Địa chỉ thường trú : 4A14, Đường 16, Khu Dân cư An Bình, TP.Biên Hoà, Đồng Nai
- Số ĐT liên lạc : (061) 3 836 199
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Hóa thực phẩm
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|----------------------|---|
| Từ 12/2015 đến nay | Thành viên HĐQT CTCP Đường Biên Hòa |
| Từ 11/2015 đến nay | Thành viên HĐQT tại Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai |
| Từ 01/2015 – 9/2015 | Phó TGD Kỹ thuật Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh |
| Từ 01/2013 – 12/2014 | Phó TGD phụ trách khối Kỹ thuật sản xuất Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa |
| Từ 01/2008 – 01/2013 | Giám đốc dự án Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa |
| Từ 01/1998 – 12/2007 | Trưởng phòng Kỹ thuật sản xuất Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa |

- Chức vụ hiện nay tại BHS: Thành viên Hội đồng quản trị.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT tại Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (25/07/2016): 304.504 cổ phần, chiếm 0,24% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 304.504 cổ phần, chiếm 0,24% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (25/07/2016) của những người có liên quan: 0 cổ phần.
- Các khoản nợ đối với Công ty : không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có

13.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát:

a. Trưởng Ban kiểm soát:

Ông **Lê Văn Hòa**: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa.

- Họ và tên : Lê Văn Hòa
- Giới tính : Nam
- Ngày/tháng/năm sinh : 10/05/1958
- Nơi sinh : Vĩnh Long
- Quê quán : Vĩnh Long
- CMND : 023326313, ngày cấp 16/12/2005, nơi cấp CA TP.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 293 Tân Sơn Nhì, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, TP.HCM
- Số ĐT liên lạc : (061) 3 836 199
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|-----------------------|--|
| Từ 04/2015 đến nay | Trưởng Ban kiểm soát CTCP Đường Biên Hòa |
| Từ 10/2015 đến nay | Trưởng Ban kiểm soát CTCP Nghiên cứu ứng dụng mía đường Thành Thành Công |
| Từ 4/2016 đến nay | Thành viên BKS CTCP Đường Nước Trong |
| Từ 4/2016 đến nay | Thành viên BKS CTCP Cao su Nước Trong |
| Từ 4/2012 đến 12/2015 | Thành viên BKS CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh |
| Từ 03/2012 – 04/2015 | Trưởng Ban kiểm soát CTCP Đường Biên Hòa |
| Từ 09/2006 – 06/2012 | Chuyên viên Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công |
| Từ 07/2001 – 09/2003 | Phó Giám đốc DNTN Dệt may Thương mại Vạn Phát |
| Từ 07/1993 – 07/2001 | Kế toán trưởng Công ty Đường Hiệp Hòa |
| Từ 12/1985 – 07/1993 | Phó kế toán trưởng Công ty Đường Bình Dương |
| Từ 07/1979 – 12/1985 | Chuyên viên Tổng công ty Mía đường 2 |

- Chức vụ hiện nay tại BHS: Trưởng Ban kiểm soát.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
 - + Trưởng Ban kiểm soát CTCP Nghiên cứu ứng dụng mía đường Thành Thành Công.
 - + Thành viên BKS CTCP Đường Nước Trong
 - + Thành viên BKS CTCP Cao su Nước Trong
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (25/07/2016): 119.001 cổ phần, chiếm 0,09% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- + Cá nhân sở hữu: 119.001 cổ phần, chiếm 0,09% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (25/07/2016) của những người có liên quan: 0 cổ phần.
- Các khoản nợ đối với Công ty : không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có

b. Thành viên Ban kiểm soát:

Bà **Nguyễn Thủy Vân**: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa.

- Họ và tên : Nguyễn Thủy Vân
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 11/3/1980
- Nơi sinh : Thành phố Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND/Hộ chiếu : 023339516
- Cấp ngày : 15/11/2011
- Nơi cấp : Công an TP.HCM
- Địa chỉ thường trú : 108/8 Trần Mai Ninh, Phường 12, Quận Tân Bình, TP.HCM, Việt Nam.
- Số ĐT liên lạc : (061) 3 836 199
- Trình độ văn hóa : Cao học
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|--------------------|---|
| Từ 12/2015 đến nay | Thành viên BKS CTCP Đường Biên Hòa |
| Từ 2012 đến nay | Trưởng BKS CTCP Đầu tư Thành Thành Công |
| Từ 2012 đến nay | Trưởng BKS CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh |
| Từ 2011 – 2012 | Phó TGD Công ty Cổ phần Kho vận Thiên Sơn |
| Từ 2009 – 2011 | Phó Giám đốc CTCP Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín |
| Từ 2008 – 2009 | Trưởng phòng Giao dịch hàng hóa phái sinh CTCP Tín Việt |
| Từ 2007 – 2008 | Trưởng phòng Đầu tư CN Công ty Cao su Đak Lak |
| Từ 2004 – 2006 | Trưởng phòng Tài chính CTCP Vinamit |

- Chức vụ hiện nay tại BHS: Thành viên Ban kiểm soát.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
 - + Trưởng BKS CTCP Đầu tư Thành Thành Công
 - + Trưởng BKS CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (25/07/2016): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (25/07/2016) của những người có liên quan:

| Tên | Số ĐKSH | Mối quan hệ | Số CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|------------------------------|------------|----------------------|--------------|--------------|
| CTCP Đầu Tư Thành Thành Công | 0301466073 | Trưởng Ban kiểm soát | 29.096.988 | 22,47% |

- Các khoản nợ đối với Công ty : không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có

c. Thành viên Ban kiểm soát:

Bà Lưu Đặng Mỹ Quỳnh: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa.

- Họ và tên : Lưu Đặng Mỹ Quỳnh
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 28/01/1981
- Nơi sinh : Thành phố Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND/Hộ chiếu : 023466940
- Cấp ngày : 01/10/2012
- Nơi cấp : Công an TP.HCM
- Địa chỉ thường trú : 451/11/6 Tô Hiến Thành, P.14, Quận 10, TP.HCM
- Số ĐT liên lạc : (061) 3 836 199
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế ngành Tài chính – Ngân hàng
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|----------------------|--|
| Từ 15/8/2016 đến nay | Thành viên BKS CTCP Đường Biên Hòa |
| Từ 3/2016 đến nay | Thành viên BKS CTCP Trà Phí |
| Từ 2/2016 đến nay | Thành viên BKS CTCP Mía đường Tây Ninh |

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|---------------------|--|
| Từ 2/2015 đến nay | Chuyên viên kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công |
| Từ 11/2013 – 1/2015 | Công ty TNHH Kiểm toán và Giải pháp Công nghệ thông tin Đại Nam |
| Từ 9/2004 – 9/2013 | Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn A&C |

- Chức vụ hiện nay tại BHS: Thành viên Ban kiểm soát.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
 - + Thành viên BKS CTCP Mía đường Tây Ninh
 - + Thành viên BKS CTCP Trà Phí
 - + Chuyên viên kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (25/07/2016): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (25/07/2016) của những người có liên quan: Không có.
- Các khoản nợ đối với Công ty : không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có

13.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc:

a. Tổng Giám đốc

Bà **Trần Quế Trang**: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa.

Thông tin chi tiết vui lòng xem tại mục 13.1.b – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa.

b. Phó Tổng Giám đốc

Ông **Trần Quốc Thảo**: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa.

- Họ và tên : **Trần Quốc Thảo**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 24/04/1979
- Nơi sinh : Đồng Nai
- Quê quán : Đồng Nai
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND/Hộ chiếu : 271388525
- Cấp ngày : 01/07/2002
- Nơi cấp : CA Đồng Nai
- Địa chỉ thường trú : 9A Cư xá Giấy Tân Mai, khóm I, P.Thống Nhất, TP.Biên

Hòa, Đồng Nai

- Số ĐT liên lạc : (061) 3 836 199
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính doanh nghiệp
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|------------------------|---|
| Từ 05/2015 đến nay | Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đường Biên Hòa. |
| Từ 04/2015 đến nay | Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang |
| Từ 04/2016 đến nay | Chủ tịch HĐQT CTCP Thương mại xuất nhập khẩu Biên Hòa |
| Từ 03/2014 đến 04/2015 | Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty cổ phần Đường Ninh Hòa. |
| Từ 2012 đến 2/2014 | Giám đốc Khối KD&HT Công ty cổ phần Đường Ninh Hòa. |
| Từ 2011 đến 2012 | Phó Giám đốc Công ty cổ phần Khai thác & QL KCN Đặng Huỳnh |
| Từ 2010 đến 2011 | Trưởng phòng Đầu tư CTCPXD và KD Nhà Đại Phúc – Dafuco |
| Từ 2006 đến 2009 | Chuyên viên phân tích dự án CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín – Sacomreal. |
| Từ 2002 đến 2006 | Kế toán tổng hợp Công ty TNHH MTV Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai – Docam. |

- Chức vụ hiện nay tại BHS: Phó Tổng giám đốc.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
 - + Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang
 - + Chủ tịch HĐQT CTCP Thương mại xuất nhập khẩu Biên Hòa
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (25/07/2016): 76.700 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 76.700 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (25/07/2016) của những người có liên quan: 0 cổ phần.
- Các khoản nợ đối với Công ty : không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có

c. Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thành Khiêm: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Biên

Hòa.

- Họ và tên : Nguyễn Thành Khiêm
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 24/05/1968
- Nơi sinh : Hòa Thành – Tây Ninh
- Quê quán : Tây Ninh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND/Hộ chiếu : 072068000740
- Cấp ngày : 14/06/2016
- Nơi cấp : ĐKQL Cư trú & DLQG về Dân cư
- Địa chỉ thường trú : 05, hẻm 41, đường CMT8, KP 6, P.3, TP Tây Ninh
- Số ĐT liên lạc : (061) 3 836 199
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Hóa
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|-----------------------|--|
| Từ 01/01/2015 đến nay | Phó TGD phụ trách khối Kỹ thuật Sản xuất Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa |
| Từ 12/2015 đến nay | Phó TGD CTCP Xuất nhập khẩu Bến Tre |
| Từ 2014 đến nay | Giám đốc CTCP Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công |
| Từ 07/2014 – 12/2014 | Phó TGD phụ trách khối Kỹ thuật Sản xuất Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh. |
| Từ 12/2013- 07/2014 | Giám đốc Khối Nhà máy Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh |
| Từ 8/2012 - 12/2013 | Giám đốc Khối Nhà máy CTCP Bourbon Tây Ninh (Nay là Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh) |
| Từ 11/2011-07/2012 | Phó Giám đốc – Phụ trách Công nghệ và dự án phát triển khối nhà máy CTCP Bourbon Tây Ninh |
| Từ 01/2005-10/2011 | Trưởng phòng tự động CTCP Bourbon Tây Ninh |
| Từ 3/2004 -12/2004 | Kỹ sư tự động hóa CTCP Bourbon Tây Ninh |
| Từ 8/1996 -02/2004 | Trưởng ca Nhà máy CTCP Bourbon Tây Ninh |

- Chức vụ hiện nay tại BHS: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
 - + Giám đốc CTCP Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công
 - + Phó Tổng giám đốc CTCP Xuất nhập khẩu Bến Tre

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (25/07/2016): 104.400 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 104.400 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (25/07/2016) của những người có liên quan:

| Tên | Số ĐKSH | Mối quan hệ | Số CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----------------------------|------------|-------------|--------------|--------------|
| CTCP Xuất nhập khẩu Bến Tre | 1300104040 | Phó TGD | 2.000.000 | 1,54% |

- Các khoản nợ đối với Công ty : không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có

13.4. Kế toán trưởng:

- Ông Nguyễn Minh Tín** : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa.
- Họ và tên : Nguyễn Minh Tín
 - Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh : 16/08/1980
 - Nơi sinh : Đồng Nai
 - Quê quán : Thừa Thiên Huế
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Số CMND/Hộ chiếu : 271 466 340
 - Cấp ngày : 02/02/2012
 - Nơi cấp : Công an Đồng Nai
 - Địa chỉ thường trú : A66 Ấp 6 xã Tân Hiệp, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
 - Số ĐT liên lạc : (061) 3 836 199
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán – kiểm toán
 - Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|------------------|---------------------------------------|
| Từ 2015 đến nay | Kế Toán Trưởng CTCP Đường Biên Hòa |
| Từ 2014 đến 2015 | Phó phòng kế toán CTCP Đường Biên Hòa |

| Thời gian | Chức danh, đơn vị công tác |
|------------------|--|
| Từ 2012 đến 2014 | Chuyên viên kế toán CTCP Đầu tư Thành Thành Công |
| Từ 2011 đến 2012 | Chuyên viên kiểm soát tài chính CTCP Tập đoàn Trung Nguyên |
| Từ 2010 đến 2011 | Kế toán trưởng CTCP DV Phong Cách Sống Mới |
| Từ 2006 đến 2008 | Kế toán tổng hợp CTCP Cà phê Hòa tan Trung Nguyên |

- Chức vụ hiện nay tại BHS: Kế toán trưởng.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (25/07/2016): 48.900 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 48.900 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (25/07/2016) của những người có liên quan: 0 cổ phần.
- Các khoản nợ đối với Công ty : không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có

14. Tài sản:

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính tại thời điểm 30/09/2016 :

Đơn vị tính: đồng

| Khoản mục | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại | % còn lại |
|---------------------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|---------------|
| Tài sản hữu hình | 1.859.011.948.817 | 600.723.448.381 | 1.258.288.500.436 | 67,69% |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 313.784.607.077 | 111.832.069.594 | 201.952.537.483 | 64,36% |
| Máy móc và thiết bị | 1.478.816.176.124 | 464.337.838.043 | 1.014.478.338.081 | 68,60% |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 48.575.211.179 | 16.894.296.186 | 31.680.914.993 | 65,22% |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý khác | 17.835.954.437 | 7.659.244.558 | 10.176.709.879 | 57,06% |
| Tài sản cố định thuê tài chính | 65.806.692.123 | 3.150.324.843 | 62.656.367.280 | 95,21% |
| Tài sản vô hình | 39.009.394.635 | 13.231.373.640 | 25.778.020.995 | 66,08% |
| Phần mềm vi tính | 3.165.421.399 | 1.413.687.464 | 1.751.733.935 | 55,36% |
| Quyền sử dụng đất | 33.017.356.194 | 9.082.581.927 | 23.934.774.267 | 72,49% |
| Chi phí đền bù, san lấp | 2.826.617.042 | 2.735.104.249 | 91.512.793 | 3,25% |
| TỔNG CỘNG | 1.963.828.035.575 | 617.105.146.864 | 1.346.722.888.711 | |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất quý I niên độ 2016-2017

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2016:

15.1. Các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện:

Đại hội đồng cổ đông thường niên niên độ 2015 - 2016 tổ chức ngày 28/12/2015 đã nhất trí thông qua kế hoạch kinh doanh của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Kế hoạch 2015-2016 | Thực hiện 2015-2016 | % tăng/giảm so với 2014-2015 |
|--------------------------------------|--------------------|---------------------|------------------------------|
| Vốn điều lệ | 1.295 | 1.295 | 105,57% |
| Doanh thu thuần | 3.125 | 4.371 | 46,95% |
| Lợi nhuận trước thuế hợp nhất (LNTT) | 220 | 296 | 133,20% |
| Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (LNST) | 176 | 249 | 151,70% |
| Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ | 13,59% | 19,23% | |
| Tỷ lệ LNST/Doanh thu | 5,63% | 5,70% | |
| Tỷ lệ cổ tức | 8 - 10% | N/A | |

Nguồn: BHS

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức cho niên độ tài chính 01/07/2016 - 30/06/2017 theo định hướng của Hội đồng quản trị/ Ban tổng giám đốc như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Kế hoạch 2016-2017 (*) |
|--------------------------------------|------------------------|
| Vốn điều lệ | 2.978.757.550.000 |
| Doanh thu thuần | 3.940.000.000.000 |
| Lợi nhuận trước thuế hợp nhất (LNTT) | 300.000.000.000 |
| Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (LNST) | 240.000.000.000 |
| Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ | 11,2% |
| Tỷ lệ LNST/Doanh thu | 6,1% |
| Tỷ lệ cổ tức | 8%-10% |

Nguồn: BHS

(*): Kế hoạch này sẽ được trình cổ đông cho ý kiến trong Đại hội đồng cổ đông thường niên niên độ 2016-2017. Các thông số kế hoạch có thể bị điều chỉnh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ và tỷ lệ cổ tức được tính trên vốn điều lệ bình quân của niên độ 2016-2017 (vốn điều lệ bình quân niên độ 2016-2017 ước tính là 2.136.934.765.000 đồng).

15.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

- **Đối với công tác Kinh doanh – thị trường**

- Tổ chức, quản lý và chăm sóc kênh phân phối và hệ thống Brandshop. Xây dựng hoàn thiện và phát triển hệ thống bán lẻ sản phẩm trong phạm vi cả nước. Đặc biệt chú trọng tăng tỷ lệ tiêu thụ sản phẩm thông qua kênh tiêu thụ công nghiệp và khách hàng mới trong kênh công nghiệp.
- Tập trung chăm sóc khách hàng lớn và mở rộng khách hàng sử dụng trực tiếp (end-user), đa dạng hóa các phương thức tiếp cận khách hàng đối với sản phẩm đường.
- Cập nhật kịp thời tình hình đường trong nước và quốc tế, linh hoạt trong việc nhập đường nguyên liệu đảm bảo lợi ích tối đa cho Công ty.
- Nâng cao công tác đánh giá thị trường, thị phần và đề ra những chính sách kinh doanh – marketing hữu hiệu để gia tăng thị phần kênh tiêu dùng trực tiếp.
- Tập trung nghiên cứu sản phẩm mới và tung sản phẩm mới theo đúng lộ trình.

- **Đối với công tác Nông nghiệp**

Đào tạo cán bộ nông vụ nắm vững:

- Các chủ trương, chính sách nông nghiệp của công ty;
- Thực trạng ngành đường của Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng trong bối cảnh chung của ngành đường thế giới;
- Định hướng của Công ty trong công tác phát triển ngành đường;
- Tổ chức phổ biến, hướng dẫn các nội dung, phương thức truyền thông đối với công tác nông nghiệp ra nông dân.
- Nghiên cứu và triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển vùng nguyên liệu nhằm đảm bảo:
- Diện tích đầu tư nhằm đáp ứng tối ưu công suất các Nhà máy;
- Nâng cao năng suất, chất lượng cây mía: giống mía sạch bệnh, cơ giới hóa canh tác và thu hoạch, tăng diện tích tưới mía hữu hiệu 100% tại nông trường;
- Phòng chống sâu bệnh, dịch hại;
- Thực hiện các công tác quản lý thu hoạch và sau thu hoạch;
- Đảm bảo thu nhập của người trồng mía để duy trì và phát triển mối quan hệ lâu dài giữa nhà máy và nông dân.
- Xây dựng các chính sách, giải pháp đối với công tác đầu tư vùng nguyên liệu, có kiểm soát và đảm bảo thu hồi vốn đầu tư.
- Chuẩn bị các phương án dự phòng cho việc thiếu hụt nguyên liệu trong niên độ 2015-2016.

- **Đối với công tác kỹ thuật**

- Tiếp tục việc kiểm soát chi phí trong từng công đoạn sản xuất.
- Phối hợp Khối kinh doanh để điều phối việc sản xuất đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường.
- Nâng cao tỷ lệ an toàn thiết bị.
- Quản lý dự án đảm bảo chất lượng, tiến độ triển khai và chi phí được kiểm soát.
- Hoàn thiện hệ thống phòng vệ thực phẩm.
- Quản lý môi trường cần kiểm soát nguồn phát thải từ nhà máy và chất thải rắn.
- Hoàn thiện các quy trình, quy định vận hành trong sản xuất. Đào tạo kỹ năng vận hành, xử lý sự cố.

• **Đối với các công tác khác**

- Công tác Nhân sự: Tập trung cho công tác đào tạo nâng cao chất lượng nhân sự và chuẩn bị đội ngũ nhân lực kế thừa. Hoàn thiện bộ chỉ tiêu đánh giá cho các vị trí công việc, thực hiện trả lương, xét thưởng theo kết quả đánh giá một cách sát sườn đúng thực tế và có chỉ tiêu đo lường cụ thể.
- Hoàn thiện hệ thống văn bản lập quy: nhằm đảm bảo hệ thống văn bản lập quy được rà soát và cập nhật hàng xuyên đáp ứng nhu cầu thực tế và mang tính thống nhất trong toàn Công ty sau khi sáp nhập.
- Công nghệ thông tin: thực hiện nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin theo tiêu chuẩn mới và đẩy nhanh công tác triển Hệ thống quản trị doanh nghiệp (ERP) nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị và điều hành trong thời kỳ mới.
- Tài chính – kế toán: tăng cường công tác kế toán quản trị để nâng cao chất lượng tham mưu cho Ban lãnh đạo, hoàn thiện hệ thống kiểm soát chi phí theo từng đơn vị/phòng ban, tách bạch lợi nhuận hoạt động của các nhà máy và sử dụng hiệu quả - an toàn nguồn vốn công ty.
- Quản lý chất lượng sản phẩm: kiểm soát tỷ lệ sản phẩm không phù hợp tốt hơn mục tiêu đặt ra cả trong sản xuất và tiêu thụ. Hạn chế tình trạng khách hàng trả hàng gây ảnh hưởng đến uy tín và thương hiệu của Công ty.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa.

Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn

lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Trong vòng 30 ngày sau khi hoàn thành đợt chào bán, BHS sẽ hoàn tất các thủ tục để thực hiện đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm theo đúng quy định của pháp luật.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty:

Không có.

19. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu:

Không có

V. CỒ PHIẾU PHÁT HÀNH

1. Tên cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa.
2. Mã cổ phiếu: BHS.
3. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
4. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
5. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền.
6. Tổng số cổ phiếu phát hành: 168.364.557 cổ phần. Trong đó bao gồm:
 - Phát hành thêm để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 38.853.359 cổ phần
 - Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 129.511.198 cổ phần
7. Giá chào bán dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu
8. Phương pháp tính giá:
Giá chào bán cổ phiếu được xác định bằng với mệnh giá cổ phiếu.
9. Phương thức phân phối:

9.1. Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

- Số lượng cổ phiếu phát hành: 38.853.359 cổ phiếu.
- Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/tổng số cổ phiếu hiện tại): 30% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu vào ngày chốt danh sách hưởng quyền sẽ nhận được 30 cổ phiếu mới).
- Số cổ phiếu phát hành thêm để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 252 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền. Với tỷ lệ thực hiện quyền như trên, số cổ phiếu Ông A sẽ nhận được như sau: $252 \times 30\% = 75,6$ cổ phiếu mới. Như vậy, Ông A sẽ được nhận tròn 75 cổ phiếu mới.

- Nguồn vốn được sử dụng để phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: Thặng dư vốn cổ phần. Khoản mục thặng dư vốn cổ phần trên báo cáo tài chính như sau:
 - Trên báo cáo tài chính hợp nhất soát xét 6 tháng niên độ 2015 – 2016 (31/12/2015): 461.779.800.000 đồng
 - Trên báo cáo tài chính hợp nhất quý IV niên độ 2015 – 2016 (30/06/2016): 461.712.700.000 đồng
- Ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ phiếu thưởng do phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở

hữu sẽ trùng với ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

9.2. Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

- Số lượng cổ phiếu chào bán: 129.511.198 cổ phiếu.
- Tỷ lệ chào bán: 1 : 1. Tại ngày chốt danh sách, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được 01 quyền mua và cứ 01 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu mới phát hành thêm của đợt chào bán.
- Phương thức xử lý cổ phiếu chào bán không hết: Các cổ phiếu cổ đông hiện hữu từ chối mua hoặc mua không hết sẽ do Hội đồng quản trị Công ty được toàn quyền nghiên cứu, đàm phán và quyết định việc chào bán cho các đối tượng khác tại thời điểm phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật. Giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Căn cứ theo Mục 7 Điều 1 Nghị Định 60/2015/NĐ-CP ban hành ngày 26/06/2015 của Thủ tướng Chính Phủ, số cổ phiếu chào bán cho các đối tượng khác theo quyết định trên của Hội đồng quản trị sẽ bị hạn chế chuyên nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
- Điều kiện hủy bỏ đợt phát hành: Không có điều kiện hủy bỏ đợt phát hành
- Các điều khoản khác có liên quan:
 - Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc một phần số lượng cổ phiếu phát hành theo quyền mua trong thời gian thực hiện quyền.
 - Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua cổ phiếu sẽ đương nhiên bị chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền bất kỳ một khoản phí nào.
- Ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm sẽ trùng với ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ phiếu thưởng do phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

10. Thời gian phân phối cổ phiếu:

10.1. Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến trong năm 2016. Sau khi nhận được Thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, BHS sẽ phối hợp cùng TTLK Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM chốt danh cổ đông được hưởng quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm. Ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền không quá bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng

khoản Nhà nước thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo.

10.2. Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến trong năm tài chính 2016 - 2017 và trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận Giấy chứng nhận đăng ký chào bán do UBCKNN cấp.

11. Đăng ký mua cổ phiếu:

11.1. Thời hạn đăng ký mua

Thời hạn cho cổ đông đăng ký và thực hiện quyền mua tối thiểu là hai mươi (20) ngày. Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

11.2. Đăng ký mua cổ phiếu và chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu

Cổ đông đăng ký mua cổ phiếu và chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu tại công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản (đối với cổ đông đã lưu ký) hoặc tại Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – KCN Biên Hòa 1, P.An Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai (đối với cổ đông chưa lưu ký).

Người sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng quyền mua cho người khác).

11.3. Phương thức thanh toán:

Tiền mua cổ phần sẽ được thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo hướng dẫn tại nơi đăng ký mua cổ phiếu. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.

11.4. Chuyển giao cổ phiếu

Toàn bộ số lượng cổ phần phát hành thêm để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thành công cho cổ đông hiện hữu sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.

Cổ đông nhận cổ phiếu thường và cổ phiếu đã mua thông qua công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản (đối với cổ đông đã lưu ký) hoặc tại Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – KCN Biên Hòa 1, P.An Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai (đối với cổ đông chưa lưu ký).

Thời gian nhận chuyển giao cổ phiếu sẽ được Công ty thông báo đến các cổ đông sau khi hoàn tất đợt phát hành.

11.5. Quyền lợi người mua cổ phiếu:

Người mua cổ phiếu sẽ được hưởng các quyền lợi như các cổ đông phổ thông khác của

BHS kể từ ngày được ghi nhận trong sổ đăng ký cổ đông.

Cổ phiếu phát hành trong đợt phát hành thêm là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng (trừ các cổ phiếu cổ đông hiện hữu từ chối mua được chào bán cho các đối tượng khác theo như quy định thể hiện tại Mục 9.2 Phần V của Bản cáo bạch này)

11.6. Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu

Không hạn chế số lượng mua tối thiểu. Cổ đông hoặc người nhận chuyển nhượng quyền mua được quyền đặt mua từ 01 cổ phiếu đến số lượng cổ phiếu tối đa được quyền mua.

11.7. Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu

Hội đồng quản trị nhận định các hạng mục đầu tư cần huy động vốn trong đợt phát hành này là rất quan trọng và thực sự đóng góp lớn vào sự phát triển của Công ty, do đó nguồn vốn huy động từ cổ đông là rất cần thiết và được Hội đồng quản trị cam kết sử dụng toàn bộ nguồn vốn đó để đầu tư cho một phần hoặc toàn bộ các hạng mục, tùy theo tình hình thực tế huy động được. Trong trường hợp cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu, tùy vào nguồn vốn thực tế huy động được, số tiền đó sẽ không được trả lại cho cổ đông (hoặc nhà đầu tư) mà sẽ được Công ty đầu tư vào một hoặc một số các hạng mục theo mục đích sử dụng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thứ tự ưu tiên tiến hành đầu tư vào các hạng mục sẽ do Hội đồng quản trị cân nhắc và quyết định.

Nguồn vốn thiếu hụt để thực hiện từng hạng mục theo quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được Công ty huy động thêm thông qua các nguồn vốn khác.

12. Phương thức thực hiện quyền

Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phần và chào bán cổ phần cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phần thưởng và mua cổ phần. Cổ đông sau khi nhận được thông báo về việc phân bổ cổ phần thưởng và quyền mua cổ phần sẽ được nhận cổ phần thưởng và thực hiện quyền mua hoặc chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phần theo hướng dẫn tại mục V.9, V.10 và V.11 của Bản cáo bạch này.

13. Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Theo Khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ban hành ngày 26/06/2015 của Thủ tướng Chính Phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP: “Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó. Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%”.

Căn cứ theo các Điều ước quốc tế có liên quan và căn cứ vào các quy định của pháp luật

quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%”.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa cam kết không làm tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài sau đợt chào bán theo quy định tại thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư Nước Ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Trong trường hợp sau khi kết thúc đợt phát hành nếu phát sinh tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại BHS vượt giới hạn tỷ lệ sở hữu của NĐTNN theo quy định tại Thông tư số 123/TT-BTC ngày 18/8/2015, Hội đồng quản trị được quyền điều chỉnh giảm số lượng cổ phiếu mà các Cổ đông nước ngoài đã thực hiện quyền mua tương ứng theo tỷ lệ sở hữu của từng Cổ đông nước ngoài đã thực hiện quyền mua để đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại BHS không vượt tỷ lệ giới hạn theo quy định (giảm số lượng cổ phiếu BHS thực tế phát hành và hoàn trả lại một phần tiền đã thực hiện quyền mua cổ phiếu cho Cổ đông nước ngoài).

14. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng:

Cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông và được tự do chuyển nhượng.

15. Các loại thuế có liên quan đến cổ phiếu chào bán

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Hiện nay, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Thuế GTGT: Công ty đang áp dụng mức thuế suất GTGT chung cho các mặt hàng sản xuất là 10%.

Các loại thuế khác: Công ty tuân thủ theo Luật thuế hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

16. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:

Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu:

- Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Công thương, Chi nhánh 1 – HCM.
- Số tài khoản : 102010002605632
- Tên tài khoản : Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa.

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán:

Phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu nhằm mục đích tăng vốn điều lệ để tái cơ cấu lại nguồn vốn hiện nay của công ty, nâng cao hình ảnh và quy mô công ty để thu hút được nhiều khách hàng lớn trong và ngoài nước, cũng như tăng cường năng lực cạnh tranh của công ty.

Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu nhằm mục đích tạo nguồn vốn để thực hiện các hạng mục: nâng cao năng lực sản xuất của Nhà máy đường luyện; nâng cao quy mô hoạt động, mở rộng thị trường; mở rộng quy mô vùng nguyên liệu và tăng tỷ lệ sở hữu tại CTCP Mía đường Tây Ninh.

2. Thông tin về các hạng mục đầu tư:

Nguồn vốn thu được từ kế hoạch chào bán cổ phiếu sẽ được dùng để đầu tư vào các hạng mục sau:

a. Đầu tư nâng cấp nhà máy đường luyện:

- **Mục đích thực hiện:**

Nâng cao năng lực sản xuất của Nhà máy đường luyện từ 350 TTP/Ngày lên 1.000 TTP/Ngày.

- **Kế hoạch nâng cấp nhà máy đường luyện chi tiết:**

- Thời gian thực hiện dự kiến: Giai đoạn 2017-2018.
- Công suất nâng lên dự kiến: 1.000 TTP/Ngày.

- **Một số chỉ tiêu tài chính của Phương án đầu tư:**

| STT | NỘI DUNG | ĐVT | CHỈ TIÊU |
|-----|----------|------|-----------------|
| 1 | NPV | Đồng | 142.521.503.938 |
| 2 | IRR | % | 18% |

b. Thực hiện đầu tư vào một số công ty cùng ngành:

- **Mục đích thực hiện:**

Tạo bước tiến để BHS nhanh chóng nâng cao quy mô hoạt động, mở rộng thị trường, mở rộng quy mô vùng nguyên liệu.

- **Các tiêu chí cơ bản để lựa chọn công ty đầu tư:**

- Ngành nghề kinh doanh: Công ty hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, gia tăng giá trị trong chuỗi hoạt động của công ty.
- Tổng tài sản: Từ 200 tỷ đồng trở lên.
- Vốn chủ sở hữu: Từ 70 tỷ đồng trở lên.

- **Thời gian thực hiện dự kiến:** Năm 2017.

c. Mua cổ phiếu Công ty cổ phần Mía đường Tây Ninh

• **Mục đích thực hiện:**

Nâng tỷ lệ sở hữu tại CTCP Mía đường Tây Ninh (Tanisugar) từ 26,49% lên trên 70% nhằm nâng cao vị thế của BHS trên thị trường, xây dựng đồng bộ chiến lược sản xuất, hoạt động, kinh doanh để nâng cao hiệu quả hoạt động của cả 2 công ty.

Số lượng cổ phần dự kiến mua: 11.500.000 cổ phần.

Giá mua dự kiến tối đa: 17.400 đ/cổ phiếu

Giá trị mua tối đa: 200.000.000.000 đồng

Phương thức mua: đàm phán, thỏa thuận giá, ký hợp đồng mua bán với các tổ chức/cá nhân đang sở hữu cổ phiếu (Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh hiện chưa phải là Công ty đại chúng).

Cơ sở xác định giá mua: Báo cáo tài chính các năm, kế hoạch kinh doanh năm 2016 và Báo cáo định giá cổ phiếu CTCP Mía đường Tây Ninh.

• **Hiệu quả hoạt động kinh doanh của Tanisugar (*)**

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu | 2014 | 2015 | 6 tháng 2016 |
|-----------------------------------|---------|---------|--------------|
| Vốn điều lệ | 205.000 | 205.000 | 294.040 |
| Vốn chủ sở hữu | 238.325 | 360.953 | 396.311 |
| Tổng tài sản | 325.792 | 410.130 | 597.860 |
| Doanh thu thuần | 198.164 | 184.835 | 306.836 |
| Lợi nhuận sau thuế | 23.590 | 17.738 | 27.543 |
| EPS (đồng/cp) | N/A | N/A | 829 |
| Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu (đ/cp) | N/A | N/A | 13.478 |

(*) Ghi chú:

– Số liệu năm 2014, 2015: Tanisugar không lập BCTC hợp nhất do đó số liệu trong bảng trên là số liệu của Công ty mẹ.

– Số liệu 6 tháng 2016 là số liệu hợp nhất chưa được kiểm toán.

• Thời gian thực hiện dự kiến: Từ Quý 01 Năm 2017.

d. Kế hoạch đầu tư mở rộng vùng nguyên liệu:

• **Sự cần thiết phải đầu tư:**

Để đảm bảo cho nhà máy đường hoạt động hiệu quả thì sản lượng mía cung ứng cho nhà máy đường phải đảm bảo tận dụng được tối đa công suất ép mía với thời gian ép mía khoảng 120 ngày. Ngoài ra, chi phí mía là yếu tố quan

trọng ảnh hưởng lớn hiệu quả hoạt động cũng như năng lực cạnh tranh của nhà máy. Vì vậy, việc giảm chi phí sản xuất mía luôn là mục tiêu hàng đầu của nhà máy đường.

Hiện nay giá thành mía do BHS tự sản xuất chỉ bằng 60% so với giá mua mía từ nông dân. Ngoài ra, sản lượng mía cung ứng cho nhà máy đường Biên Hòa - Tây Ninh nhìn chung cũng chưa tận dụng hết được năng lực sản xuất của nhà máy. Sản lượng mía mà nhà máy đường Biên Hòa - Tây Ninh cần là khoảng 480.000 tấn mía để có thể tận dụng tối đa công suất, tuy nhiên sản lượng mía thực tế vụ 2015-2016 chỉ đạt xấp xỉ 350.000 tấn, nghĩa là thiếu hụt khoảng 130.000 tấn mía. Do đó, việc tiếp tục mở rộng diện tích nông trường thông qua việc đầu tư đất sẽ làm tăng thêm lượng mía ép nói chung và tăng tỷ lệ sản lượng mía do BHS tự sản xuất, góp phần làm giảm giá thành và nâng cao năng lực cạnh tranh cho BHS.

• **Mục đích thực hiện:**

Giúp BHS chủ động hơn trong việc kiểm soát nguồn nguyên liệu đầu vào, giảm giá thành sản xuất từ đó giúp Công ty gia tăng năng lực cạnh tranh và nâng cao vị thế trong ngành.

Mục tiêu cụ thể:

- Đầu tư đất với diện tích 867 Ha để canh tác mía theo mô hình nông trường kiểu mẫu.
- Năng suất đạt 80 tấn/Ha năm 2017 và đạt 100 tấn/Ha kể từ năm 2020 trở đi. Chữ đường bình quân đạt 10 CCS.
- Sản lượng mía cung ứng tăng thêm đạt 69.333 tấn năm 2017 và đạt 86.667 tấn từ năm 2020 trở đi.
- Giá thành mía bình quân đạt 684.664 đồng/tấn trong năm 2017 và giảm xuống còn 474.047đồng/tấn từ năm 2022 trở đi.

• **Kế hoạch đầu tư mở rộng vùng nguyên liệu chi tiết:**

- Phương án đầu tư: đầu tư gia tăng quỹ đất và đầu tư nông trường, bao gồm: đầu tư vật tư nông nghiệp, đầu tư hệ thống tưới, cơ giới hóa đồng ruộng từ khâu trồng đến thu hoạch,...
- Tiêu chí đầu tư cụ thể như sau:
 - + Nằm trong vùng quy hoạch trồng mía được tỉnh Tây Ninh thông qua.
 - + Cự ly vận chuyển mía về NMD của BHS <70 km.
 - + Đủ điều kiện để triển khai công tác cơ giới hóa trong khâu trồng, chăm sóc và thu hoạch và tưới mía.
 - + Nằm trong khu vực có điều kiện về khí hậu, thổ nhưỡng, hạ tầng ... phù hợp cho cây mía.
 - + Ưu tiên đất đang trồng mía, có thời gian trồng mía ổn định.

- Hình thức đầu tư mở rộng: ký hợp đồng thuê đất lâu dài có công chứng với các cá nhân/tổ chức sở hữu đất phù hợp tiêu chí đầu tư.
 - Diện tích đất dự kiến mở rộng: tối đa 867 ha.
 - Chi phí đất dự kiến: Bình quân 450.000.000 đồng/Ha.
 - Cơ sở xác định chi phí đất: Căn cứ giá đất thị trường tại thời điểm hiện tại. Chi phí đầu tư thực tế sẽ được Công ty cân nhắc đàm phán để đảm bảo lợi ích Công ty và cổ đông.
 - *Thời gian thực hiện dự kiến: 2017-2018.*
- **Một số chỉ tiêu tài chính của phương án đầu tư:**

| STT | NỘI DUNG | ĐVT | CHỈ TIÊU |
|-----|----------|------|-----------------|
| 1 | NPV | Đồng | 101.926.929.661 |
| 2 | IRR | % | 10,8% |

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán là 1.295.111.980.000 đồng. Công ty dự kiến phân bổ sử dụng như sau:

| Stt | Mục đích sử dụng vốn | Nhu cầu vốn (đồng) | Thời điểm thực hiện dự kiến |
|-----|--|--------------------------|-----------------------------|
| 1 | Đầu tư nâng cấp nhà máy đường luyện | 262.000.000.000 | Năm 2017-2018 |
| | <i>Nâng công suất lên 650 TTP/N</i> | | |
| | - Hoàn thành thủ tục pháp lý | | Quý 1 năm 2017 |
| | - Thi công xây lắp | | 3 quý cuối năm 2017 |
| | - Mua sắm, lắp đặt thiết bị | | 3 quý cuối năm 2017 |
| | - Hoàn thành, chạy thử, nghiệm thu | | Quý 4 năm 2017 |
| | <i>Nâng công suất lên 1.000 TTP/N</i> | | |
| | - Mời thầu + hợp đồng thi công xây lắp | | Quý 1 năm 2018 |
| | - Thi công xây lắp | | 3 quý cuối năm 2018 |
| | - Mua sắm, lắp đặt thiết bị | | 3 quý cuối năm 2018 |
| | - Hoàn thành, chạy thử, nghiệm thu | | Quý 4 năm 2018 |
| 2 | Thực hiện đầu tư vào các công ty cùng ngành | 150.000.000.000 | Năm 2017 |
| 3 | Mua thêm cổ phiếu CTCP Mía đường Tây Ninh | 200.000.000.000 | Quý 01 Năm 2017 |
| 4 | Đầu tư vùng nguyên liệu | 445.250.000.000 | Năm 2017-2018 |
| | - Đầu tư đất | 390.000.000.000 | |
| | - Đầu tư theo định suất bao gồm mía giống, phân bón, hệ thống cơ giới,.. | 55.250.000.000 | |
| 5 | Tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động | 237.861.980.000 | Năm 2016-2017 |
| | TỔNG CỘNG | 1.295.111.980.000 | |

Số tiền tối thiểu cần thu được trong đợt chào bán là 612.000.000.000 đồng. Trong trường hợp chào bán không thu đủ số tiền tối thiểu như dự kiến, Hội đồng quản trị sẽ cân nhắc thứ tự ưu tiên khi tiến hành đầu tư vào các hạng mục trên.

Nguồn vốn thiếu hụt để thực hiện từng hạng mục sẽ được Công ty huy động thêm thông qua nguồn vốn khác.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN:

1. Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC)

Trụ sở chính: Số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Điện thoại: (84-4) 3928 8888 Fax: (84-4) 3928 9888
Chi nhánh: Số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Tp, Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (84-8) 3914 1993 Fax: (84-8) 3914 1991
Website: www.bvsc.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán: Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 10, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (84-8) 3821 9266 Fax: (84-8) 3821 9267
Website: www.kpmg.com

3. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Trên cơ sở các thông tin mà BVSC đã thu thập được về BHS và đợt phát hành cổ phiếu, với tư cách là tổ chức tư vấn, BVSC có một số nhận định như sau:

Công ty có những thế mạnh nhất định như hoạt động kinh doanh lâu năm trong ngành, thương hiệu uy tín và phổ biến đối với người tiêu dùng, đội ngũ Ban quản trị, cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm, có chuyên môn cao. Tuy nhiên với những thách thức đến từ quá trình hội nhập của đất nước trong thời gian tới, Công ty sẽ gặp không ít khó khăn và trở ngại nếu không có sự chuẩn bị trước và đầu tư thích hợp để phát triển. Việc đầu tư nâng công suất và phát triển vùng nguyên liệu là những yếu tố then chốt, tạo nền tảng cho BHS phát triển bền vững và đủ tầm để cạnh tranh được với các đối thủ lớn trong khu vực. Trên cơ sở đó, việc gia tăng nguồn vốn trong đợt phát hành này là một bước tiến quan trọng đối với Công ty, rất cần thiết và phù hợp để Công ty nâng cao năng lực tài chính, cũng như vị thế trong ngành, giúp Công ty mở rộng quy mô và đạt được các mục tiêu kinh doanh dài hạn mà Đại hội đồng cổ đông đã giao phó. Với tiềm năng sấp tới của Công ty và sự nỗ lực của ban điều hành, chúng tôi tin chắc rằng đợt phát hành sẽ có khả năng thành công cao.

IX. PHỤ LỤC:

1. Giấy đăng ký chào bán chứng khoán;
2. Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành cổ phiếu;
3. Nghị quyết HĐQT triển khai phương án phát hành;
4. Nghị quyết của HĐQT thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán;
5. Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán;
6. Tài liệu trích dẫn địa chỉ và thông tin đăng tải trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia xác minh lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của công ty và tỷ lệ sở hữu nước ngoài áp dụng đối với ngành nghề đầu tư kinh doanh mà công ty đang hoạt động theo quy định pháp luật đầu tư, pháp luật liên quan và điều ước quốc tế;
7. Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được của đợt chào bán gần nhất được xác nhận bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận;
8. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
9. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
10. Báo cáo tài chính:
 - Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2014 (01/01/2014 – 30/06/2014) và niên độ 2014-2015; Báo cáo kiểm toán hợp nhất kiểm toán niên độ 2015-2016; Báo cáo tài chính hợp nhất quý I niên độ 2016-2017;
 - Báo cáo tài chính kiểm toán công ty mẹ năm 2014 (01/01/2014 – 30/06/2014) và niên độ 2014-2015; Báo cáo kiểm toán công ty mẹ niên độ 2015-2016; Báo cáo tài chính Công ty mẹ quý I niên độ 2016-2017;
11. Hợp đồng tư vấn phát hành với Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt;
12. Báo cáo khả thi và các hồ sơ có liên quan đến các hạng mục đầu tư.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 1 năm 2017

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGUYỄN THỊ HOA

TỔNG GIÁM ĐỐC TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN QUỐC TRANG



LÊ VĂN HÒA



NGUYỄN MINH TÍN

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT
GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH**



VÕ HỮU TUẤN

